

Tp.HCM, ngày 07 tháng 04 năm 2021

## THÔNG BÁO

### Mời tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (ĐHĐCĐ)

**Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PVTrans Oil).**

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) PVTrans Oil xin trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự ĐHCĐ với nội dung như sau:

- Thành phần:** Các cổ đông/ Người được ủy quyền hợp pháp của cổ đông sở hữu cổ phần của PVTrans Oil có tên trong danh sách Cổ đông đến ngày 01/04/2021 là ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp.
- Thời gian:** 08h30; thứ 4 ngày 28/04/2021.
- Địa điểm:** Khách sạn Liberty Central Saigon Riverside, số 17 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chương trình Đại hội:**
  - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021 của Ban điều hành;
  - Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của HĐQT;
  - Tờ trình thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
  - Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban kiểm soát;
  - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2020;
  - Tờ trình thông qua Kế hoạch SXKD năm 2021;
  - Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2021;
  - Tờ trình về thù lao thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021;
  - Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty theo Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14;
  - Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
  - Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
  - Báo cáo tình hình tăng vốn và thực hiện đầu tư tàu PVT Venus năm 2020;
  - Báo cáo Dự án đầu tư tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT năm 2021 (dự án chuyển tiếp);
  - Báo cáo về việc ký kết hợp đồng giao dịch với các cổ đông lớn là PVTrans và Tân Long về thuê mua tàu hàng rời Supramax;
  - Thông qua Phương án phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ bằng hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty cho cổ đông hiện hữu;
  - Tờ trình miễn nhiệm và bầu thay thế Thành viên HĐQT đối với ông Trần Duy Tân và ông Nguyễn Văn Bằng;
  - Tờ trình bầu bổ sung Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Thế Anh và ông Đoàn Đình Hiếu;
  - Các vấn đề khác thuộc ĐHCĐ.


**Lưu ý:** Khi tham dự họp ĐHCĐ các đại biểu vui lòng mang theo Thư mời, CMND/hộ chiếu (bản chính), Giấy ủy quyền (bản chính-trong trường hợp được ủy quyền) và chịu mọi chi phí ăn ở, đi lại trong thời gian tham dự Đại hội.

5. **Các thông tin khác:** Để công tác tổ chức Đại hội được thành công, đề nghị Quý Cổ đông xác nhận tham dự/ Ủy quyền tham dự Đại hội theo mẫu của Thư mời này gửi về Văn phòng PVTrans Oil trước **16h00 ngày 27/04/2021** qua fax hoặc thư báo hoặc liên hệ trực tiếp theo số máy: **0915 446 089 Ms Huyền hoặc 096 458 6464 Mr Dũng**.

- Trường hợp Quý Cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người đại diện hợp theo mẫu giấy ủy quyền gửi kèm theo thư mời này (Người ủy quyền không được ủy quyền cho người khác).
- Chương trình/Các tài liệu phục vụ Đại hội xin xem chi tiết trên website: [www.pvoilshipping.vn](http://www.pvoilshipping.vn).

Trân trọng kính mời./.

Nơi nhận:

- Như trên; 
- UBCKNN, SGDCCKHN (đề b/c);
- Website Công ty;
- Lưu: HĐQT (1b).



**Hoàng Đức Chính**

**Lưu ý:** Khi tham dự họp ĐHĐCĐ các đại biểu vui lòng mang theo Thư mời, CMND/hộ chiếu (bản chính), Giấy ủy quyền (bản chính-trong trường hợp được ủy quyền) và chịu mọi chi phí ăn ở, đi lại trong thời gian tham dự Đại hội.

Lầu 8, Cao ốc Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Quận 1,  
Tp.HCM; Tel:028.62911281, Fax:028.62911280  
www.pvoilshipping.vn



**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ / ỦY QUYỀN THAM DỰ**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

**Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**  
**Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PVTrans Oil).**

**1. Xác nhận tham dự:**

Tên cổ đông: ..... \*Mã cổ đông.....  
CMND/hộ chiếu/GPĐKKD số: ..... cấp ngày ..... tại .....  
Địa chỉ thường trú/trụ sở: ..... Điện thoại: .....  
Số cổ phần sở hữu: ..... (Bằng chữ: .....)

**2. Ủy quyền tham dự:**

Ông/bà: ..... Điện thoại .....  
CMND/hộ chiếu số: ..... cấp ngày ..... tại .....  
Địa chỉ: .....  
Số cổ phần được ủy quyền: ..... (Bằng chữ: .....)  
Nội dung ủy quyền: .....

**3. Ủy quyền cho:**

- Ông Hoàng Đức Chính - Chủ tịch HĐQT PVTrans Oil   
- Ông Hồ Sĩ Thuận - Ủy viên HĐQT, Giám đốc PVTrans Oil

**4. Nội dung ủy quyền:**

- Bên nhận ủy quyền (mục 2,3) được đại diện cho Bên ủy quyền (mục 1) thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.
- Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ PVTrans Oil. Thời hạn ủy quyền cho đến khi kết thúc đại hội.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 2021  
**CỔ ĐÔNG / NGƯỜI ỦY QUYỀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

**Ghi chú:**

- Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền một lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người khác. Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì cần có thêm chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của tổ chức và đóng dấu của tổ chức. Trường hợp cổ đông trực tiếp tham dự mà không ủy quyền thì chỉ xác nhận Mục 1.
- Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự trước 16h00 ngày 27/04/2021 theo cách: gửi trực tiếp đến Công ty hoặc bằng số Fax: 028.629.11280; email: [huyenttt@pvoilshipping.vn](mailto:huyenttt@pvoilshipping.vn) hoặc [dungnd@pvoilshipping.vn](mailto:dungnd@pvoilshipping.vn)
- Khi đến tham dự ĐHCĐ, Quý vị được ủy quyền vui lòng mang theo giấy này.
- Mọi chi phí liên quan đến việc tham dự ĐHCĐ sẽ do Quý cổ đông tự chi trả.

*Handwritten signature*

## BÁO CÁO

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông;  
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt.

Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PVTrans Oil) kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty như sau:

#### I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

##### 1. Đặc điểm tình hình:

##### 1.1 Những khó khăn:

- Từ đầu năm 2020 cho đến nay, đại dịch Covid-19 đã và đang ảnh hưởng mạnh làm suy giảm kinh tế thế giới và các nền kinh tế trong khu vực cũng như làm giảm nhu cầu vận tải dẫn đến cân bằng cung cầu của thị trường vận tải tàu dầu nói chung và phân khúc dầu sản phẩm/ hóa chất nói riêng, đã tác động đến thị trường vận tải trong nước và quốc tế đang gặp rất nhiều khó khăn, nhu cầu và giá cước đều giảm nên đã có tác động tiêu cực đến các Công ty Vận tải trong đó có PV Trans Oil;
- Đội tàu của Công ty hầu hết là tàu già, qua mỗi năm hoạt động chi phí ngày càng gia tăng, đặc biệt là chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, vật tư phụ tùng thay thế ..., đồng thời cũng làm giảm năng lực cạnh tranh với các tàu khác trong nước và khu vực;
- Mặc dù tình hình tài chính của đơn vị đã có nhiều cải thiện trong thời gian qua, nhưng đơn vị qui mô còn nhỏ, rất cần nguồn vốn để đầu tư phát triển nâng cao năng lực của đội tàu.
- Các qui định, các tiêu chuẩn của ngành ngày càng cao sẽ có tác động lớn đến công tác quản lý kỹ thuật, an toàn, trình độ chuyên môn của đội ngũ thuyền viên,... dẫn đến chi phí quản lý sẽ gia tăng trong các năm hoạt động.

##### 1.2 Những thuận lợi :

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ từ Ban Lãnh đạo Tổng công ty PV Trans, các ban chức năng và các đơn vị thành viên thuộc Tổng công ty;
- Thị trường tài chính trong nước và thế giới tương đối ổn định, tỷ giá USD/VND không biến động nhiều so với đầu năm. Chi phí CLTG vẫn nằm trong kế hoạch kiểm soát của PVTrans Oil.

#### 2. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

##### 2.1 Về dịch vụ vận tải sản phẩm dầu:

- **Đối với vận tải trong nước:** thị trường vận tải trong nước không có nhiều biến động, phần lớn nhu cầu vận chuyển nội địa phụ thuộc vào Tổng Công ty Dầu PV Oil/Tổng



Công ty Xăng Dầu Petrolimex,... Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn (NSRP. Nhưng do Nhà máy Nghi Sơn đi vào hoạt động chưa lâu nên liên tục bị dừng hoạt động làm cho thời gian tàu chờ hàng kéo dài, số lượng hàng vận chuyển hàng tháng ở mức rất thấp. Trong năm 2020, Công ty PĐV không tham gia thị trường vận tải các tuyến nội địa trong nước.

- **Vận tải quốc tế:** Để giảm bớt rủi ro về thị trường cũng như ổn định nguồn doanh thu, nâng cao hiệu quả khai thác đội tàu của Công ty, Ban lãnh đạo công ty đã xác định mục tiêu ngay từ khi xây dựng kế hoạch là tập trung đưa các tàu ra khai thác tại thị trường quốc tế với hình thức ưu tiên cho thuê định hạn hoặc ký các hợp đồng vận chuyển dài hạn (COA hoặc CVC).
- Tổng doanh thu khai thác đội tàu đạt 354,926 tỷ đồng, tương đương 78% kế hoạch năm, vượt 103% so với thực hiện của năm 2019.

## 2.2 Dịch vụ kinh doanh thương mại, dịch vụ đại lý, dịch vụ hàng hải:

- **Kinh doanh xăng dầu và LPG, Naptha..:** Công ty vẫn tiếp tục tập trung vào các khách hàng truyền thống như Công ty KD Sản Phẩm Khí, Công ty Tân Hoàng Long, Công ty Landmark, Công ty Vertical ... Trong năm 2020, tổng doanh thu kinh doanh thương mại ước đạt 496,39 tỷ đồng, tương đương 97% kế hoạch năm 2020.
- **Dịch vụ vận tải thiết bị điện gió siêu trường, siêu trọng trọng:** Từ tháng 11/2020, Công ty cũng bắt đầu thực hiện hợp đồng vận tải thiết bị điện gió siêu trường, siêu trọng trọng lượng 55-80 tấn/cấu kiện từ khu vực Cái mép đi Quảng trị bằng đường biển. Thời gian thực hiện tới tháng 6/2021 giúp mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- **Cung cấp dịch vụ hàng hải và đại lý tàu biển:** Công ty luôn bám sát nhu cầu của khách hàng, thực hiện tốt các chuyến làm đại lý đồng thời thực hiện làm đại lý cho đội tàu của công ty, góp phần tiết kiệm một phần đáng kể chi phí hoạt động của đội tàu. Trong năm 2020 doanh thu phí đại lý ước thực hiện 1,11 tỷ đồng, tương đương 51% kế hoạch năm 2020.

## 2.3. Về công tác đầu tư và tài chính :

- Phương án tăng vốn từ 295 tỷ đồng lên 476 tỷ đồng: do ảnh hưởng của cả nguyên nhân khách quan và chủ quan các Cổ đông/Nhà đầu tư không tham gia góp vốn, Công ty không thực hiện được kế hoạch tăng vốn. Công ty PĐV tạm dừng các thủ tục tăng vốn và khi các Cổ đông/Nhà đầu tư có nhu cầu Công ty sẽ tiếp tục thực hiện Phương án tăng vốn.
- Để đảm bảo việc tăng vốn lên 476 tỷ thành công nhằm giúp đơn vị có năng lực tài chính tốt, thực hiện được việc trẻ hóa và phát triển đội tàu tăng năng lực cạnh tranh cho Đơn vị, Công ty đang nỗ lực tìm kiếm và kêu gọi các nhà đầu tư, linh hoạt trong các phương án tăng vốn. Hình thức góp vốn có thể kết hợp bằng tiền, bằng tài sản hoặc từ chia Cổ tức bằng việc phát hành Cổ phiếu.
- Để đảm bảo kế hoạch phát triển đội tàu trong bối cảnh tăng vốn bị chậm, gặp nhiều khó khăn, PVTrans Oil đang tích cực tìm kiếm các chủ tàu, nhà đầu tư cho thuê tàu theo hình thức thuê tàu trần hoặc thuê mua tàu trần. Việc tăng quy mô đội tàu sẽ giúp tiết giảm chi phí /tàu và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường.
- Hình thức góp vốn có thể bằng tiền hoặc góp bằng tài sản, đơn vị sẽ báo cáo cụ thể khi thực hiện.

- Về đầu tư tàu 13.000 DWT: Công ty PDV đã hoàn thành bán tàu PV Oil Venus trong tháng 8/2020. Trên cơ sở nguồn vốn đối ứng do thanh lý tàu, Công ty đã mua và nhận tàu PVT Venus ngày 07/12/2020 tại thành phố Hồ Chí Minh. Tàu đã đưa lên Dock định kỳ SS theo quy định và đã đi vào khai thác đầu tháng 01 năm 2021.
- Trong năm 2020, Công ty đã trả các khoản nợ:
  - ✓ Trả nợ vay mua tàu Phuong Dong Star khoảng 637.518,11 USD cho Ngân hàng PVComBank (bao gồm trả nợ gốc: 600.000,00 USD; trả lãi vay 37.518,11 USD). Hiện nay, dư nợ vay phải trả cho PVComBank là 1,35 triệu USD ~ 32 tỷ đồng.
  - ✓ Trả nợ vay mua tàu PVT Synergy khoảng 876.925,71 USD cho Ngân hàng TPBank (bao gồm trả nợ gốc: 631.891,88 USD; trả lãi vay 245.033,83 USD). Hiện nay, dư nợ vay phải trả cho TP Bank là 9,56 triệu USD ~ 223 tỷ đồng.
  - ✓ Trả nợ vay mua tàu PVT Neptune khoảng 714.135,54 USD cho ngân hàng OCB (bao gồm trả nợ gốc: 460.026,00 USD; trả lãi vay 254.109,54 USD). Hiện nay, dư nợ vay phải trả cho OCB là 5,37 triệu USD ~ 126 tỷ đồng.
- Tiếp tục tập trung theo dõi, từng bước xử lý các công nợ tồn đọng và thu hồi vốn cho Công ty.

#### 2.4. Về công tác tổ chức, quản lý điều hành:

- Trước những khó khăn của đại dịch Covid-19 và cạnh tranh của thị trường vận tải, Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng công tác quản lý tàu, quản lý kỹ thuật, chú trọng và tăng cường công tác kiểm soát và tiết kiệm chi phí, đặc biệt là các chi phí ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD như chi phí tiêu hao nhiên liệu, sửa chữa, vật tư, phụ tùng, chi phí quản lý,... nhưng vẫn đảm bảo công tác vận hành an toàn cho đội tàu.

#### 2.5. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

*Đvt: tỷ đồng*

| Stt | Chỉ tiêu             | Kế hoạch năm 2020 | Thực hiện năm 2020 | Đánh giá KQ thực hiện |                      |
|-----|----------------------|-------------------|--------------------|-----------------------|----------------------|
|     |                      |                   |                    | Thực hiện/ Kế hoạch   | Thực hiện - Kế hoạch |
| 1   | Tổng doanh thu       | 970,00            | 872,84             | 90%                   | (97,16)              |
| 2   | Tổng chi phí         | 949,00            | 862,02             | 91%                   | (86,98)              |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | 21,00             | 10,82              | 52%                   | (10,18)              |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế   | 16,80             | 8,552              | 51%                   | (8,24)               |
| 5   | Nộp ngân sách NN     | 5,70              | 12,80              | 225%                  | 7,1                  |

*Ghi chú: Để phản ánh đúng tình hình tài sản trong năm 2020, Công ty đã rút ngắn thời gian khấu hao tàu PV Oil Jupiter, PV Oil Venus xuống 15 năm và Phuong Dong Star xuống 18 năm làm tăng chi phí khấu hao là 18,68 tỷ đồng giúp cho tình hình tài chính Công ty vững bền hơn. Đây là nguyên nhân Công ty không đạt chỉ tiêu lợi nhuận như KH đã được ĐHCĐ thông qua. Nếu giữ nguyên mức khấu hao cũ thì Lợi nhuận năm 2020 đạt 140% KH.*

### 3. Đánh giá kết quả đạt được và chưa đạt được trong năm 2020:

#### 3.1. Những điểm chưa đạt được:

*[Handwritten signature]*

- Việc tăng vốn không thành công dẫn đến ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển đội tàu nên chưa tận dụng được việc thị trường mua bán tàu đang ở mức thấp, thuận lợi cho công tác đầu tư.

### **3.2. Những điểm đạt được:**

- Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 thị trường vận tải gặp nhiều khó khăn, phần lớn các chủ tàu bị thua lỗ nhưng Công ty vẫn đảm bảo có lãi.
- Trong năm, Công ty cũng đã ký kết được các Hợp đồng cho thuê tàu dài hạn với khách hàng đảm bảo nâng hiệu quả rõ rệt so với các tháng đầu năm và là tiền đề rất tốt cho năm 2021.
- Công tác quản lý, quản trị tiếp tục được kiện toàn và có sự chuẩn bị cho giai đoạn tăng trưởng mạnh trong năm 2021 và những năm tới.
- Thu nhập của CBNV, Thuyền viên tăng để phù hợp hơn với mặt bằng các Công ty vận tải dầu, hóa chất trong nước khác.

## **II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021:**

### **1. Đặc điểm tình hình :**

- Đội tàu của Công ty có 2 tàu PV Oil Jupiter, PV Oil Venus trên 24-25 tuổi không thể cho thuê các Công ty dầu khí lớn mà chỉ có thể vận chuyển dầu cò hoặc khai thác thị trường Trung đông nhiều rủi ro. Tàu Phuong Dong Star thì có rất nhiều khiếm khuyết đặc biệt khi khai thác tuyến Quốc tế.
- Đặc biệt, đại dịch Covid-19 kéo dài từ đầu năm 2020, mặc dù trên thế giới đã tìm ra Vacxin nhưng các nước hiện vẫn đang hạn chế mở cửa để ngăn ngừa lây lan dịch bệnh. Nhu cầu sản xuất, tiêu dùng vẫn tiếp tục duy trì ở mức thấp. Do đó, đã ảnh hưởng mạnh với hoạt động vận tải trên toàn thế giới. Việc tìm nguồn hàng chuyên chở trở nên khó khăn đối với đơn vị do giảm nhu cầu đối với hàng hóa chuyên chở bằng đường biển đối với phân khúc dầu sản phẩm, hóa chất tại thị trường quốc tế. Nhu cầu vận chuyển đối với phân khúc dầu sản phẩm, hóa chất size 8-13K DWT cũng vì vậy mà tụt giảm đáng kể. Các lô hàng cho size tàu này hiện tập trung vào thị trường CPO/Palm từ Indo/ Malaysia về Ấn Độ, Bangladesh nhưng mức cước Palm đã giảm từ hơn 20% từ 26-28 xuống còn 21-22 USD/tấn. TCE spot cho tàu 8K DWT còn khoảng 3.000 USD/ngày và tàu 13K DWT còn khoảng 4.500 USD/ngày. Theo báo cáo môi giới Clarksons TCE tàu 13K DWT trong năm 2020 vẫn duy trì ở mức 8.250 USD/ngày.
- Bên cạnh đó, động thái gia tăng căng thẳng của nước Mỹ đối với Iran và Venezuela gần đây, cụ thể thông qua kênh Ngoại giao Mỹ đã thông báo cho bộ ngoại giao Việt Nam nhằm hạn chế các tàu có liên quan đến vận chuyển hàng cho Iran và Venezuela đã làm giảm khả năng khai thác tàu PV Oil Jupiter tại khu vực Trung Đông của đơn vị;
- Công ty tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hỗ trợ từ Tổng Công ty, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam,... đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty cung cấp dịch vụ của mình cho các đơn vị thành viên khác cũng như sử dụng dịch vụ của các đơn vị trong ngành.
- Tình hình kinh tế trong nước có những chuyển biến tích cực hơn, kinh tế vĩ mô ổn định, tỷ lệ lạm phát được Chính phủ kiểm soát chặt chẽ, tỷ giá ngoại tệ USD/VND dự kiến sẽ được duy trì ổn định với biến động từ 2-3% trong năm.

### **2. Mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu năm 2021:**

- Tiếp tục triển khai phương án tái cấu trúc, thực hiện tăng vốn điều lệ giai đoạn 2016 - 2020 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết số: 85/PĐV-NQ-ĐHĐCĐ, ngày 22/12/2017 của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;
- Tổ chức đầu tư thêm:
  - ✓ Đầu tư 01 tàu: 01 tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT thuộc kế hoạch đầu tư năm 2019 chuyển qua, trong lúc giá tàu đang thấp giúp trẻ hóa đội tàu, nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Tùy tình hình thị trường PDV sẽ xem xét thêm cơ hội bán tàu PV Oil Jupiter, Phuong Dong Star để có thêm nguồn vốn thực hiện kế hoạch trẻ hóa đội tàu vì các tàu này đã trả hết nợ ngân hàng;
- Tiến hành các thủ tục thuê Bareboat tàu hàng rời Supramax nhằm đa dạng loại hình vận tải, chủng loại tàu và đặc biệt tận dụng năng lực quản lý Công ty nhằm phát triển, tăng thị phần vận tải, khai thác tối ưu nguồn nhân lực, giảm chi phí Opex đội tàu giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Dự kiến hoàn thành các thủ tục thuê Bareboat tàu hàng rời và nhận 01 tàu trong tháng 04/2021;
- Đề xuất thuê Bareboat 1 tàu dầu/ hóa chất khoảng 20.000 DWT của Tổng Công ty PV Trans để đưa vào khai thác, dự kiến trong quý II/2021;
- Tổ chức khai thác an toàn, hiệu quả đội tàu vận tải sản phẩm dầu của Công ty, đặc biệt là các tàu đang hoạt động vận tải tại thị trường quốc tế, tìm kiếm thêm cơ hội mở rộng thị trường Quốc tế, tối đa hóa năng lực khai thác đội tàu Công ty;
- Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ đại lý hàng hải,... trên nguyên tắc đảm bảo an toàn tuyệt đối an toàn về vốn của đơn vị.
- Phát triển dịch vụ Logistics, vận tải điện giá siêu trường siêu trọng thành một trong những lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty;
- Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý TMSA để đội tàu Công ty có thể đáp ứng được các Oil Major. Đảm bảo cạnh tranh được với các chủ tàu nước ngoài không chỉ về chi phí mà cả chất lượng dịch vụ.
- Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tăng cường công tác kiểm tra/kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi, nỗ lực xử lý các tồn đọng, hạn chế phát sinh những khoản nợ xấu;
- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội.

### 3. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Căn cứ vào phân tích và đánh giá xu hướng thị trường trong năm 2021 và các nguồn lực thực tế, Công ty đã triển khai xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch và xin báo cáo ĐHĐCĐ như sau:

*Đvt: triệu đồng*

| Stt      | Chỉ tiêu                 | Kế hoạch năm 2021 | Trong đó:      |                |                |                |
|----------|--------------------------|-------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|          |                          |                   | Quý I          | Quý II         | Quý III        | Quý IV         |
| -        | Vốn điều lệ              | 311.100           | 295.000        | 311.100        | 311.100        | 311.100        |
|          | + Tỷ lệ góp vốn PV Trans | 51%               | 51%            | 51%            | 51%            | 51%            |
| <b>I</b> | <b>Tổng doanh thu</b>    | <b>950.000</b>    | <b>223.465</b> | <b>233.637</b> | <b>251.362</b> | <b>241.536</b> |



|            |                                |                |                |                |                |                |
|------------|--------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| 1.1        | Từ dịch vụ vận tải             | 433.309        | 93.043         | 104.414        | 122.839        | 113.013        |
| 1.2        | Từ dịch vụ thương mại          | 512.191        | 128.047        | 128.048        | 128.047        | 128.047        |
| 1.3        | Từ dịch vụ đại lý              | 1.500          | 375            | 375            | 375            | 375            |
| 1.4        | Từ hoạt động tài chính         | 3.000          | 2.000          | 800            | 100            | 100            |
| <b>II</b>  | <b>Tổng chi phí</b>            | <b>939.500</b> | <b>218.878</b> | <b>234.204</b> | <b>243.686</b> | <b>242.732</b> |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>    | <b>10.500</b>  | <b>4.588</b>   | <b>(567)</b>   | <b>7.676</b>   | <b>(1.197)</b> |
| <b>IV</b>  | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>      | <b>8.455</b>   | <b>4.700</b>   | <b>(2.348)</b> | <b>6.600</b>   | <b>(497)</b>   |
| <b>V</b>   | <b>Các khoản phải nộp NSNN</b> | <b>5.000</b>   | <b>1.570</b>   | <b>704</b>     | <b>2.187</b>   | <b>539</b>     |

#### 4. Các giải pháp để thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ:

##### 4.1. Giải pháp thị trường khai thác tàu và các hoạt động kinh doanh khác:

- Tiếp tục chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng các phương án khai thác tàu linh hoạt. Nắm bắt nhanh các thông tin của thị trường nhằm có các biện pháp ứng phó phù hợp. Tăng cường công tác marketing, hợp tác với các chủ tàu trong và ngoài nước để hợp tác đầu tư (thuê bareboat, định hạn...) nhằm nâng cao năng lực vận tải, mở rộng thị trường và giảm chi phí quản lý/tàu.
- **Tàu PVT Saturn, Synergy:** Tiếp tục thực hiện hợp đồng cho thuê định hạn với khách hàng.
- **Tàu PVT Neptune:** Thực hiện hợp đồng cho thuê định hạn khai thác CPP, hóa chất nhẹ.
- **Tàu Phương Dong Star:** Thực hiện hợp đồng định hạn với khách hàng Oka Tanker.
- **Tàu PV Oil Jupiter:** Khai thác spot, định hạn và cố gắng bán tàu trước khi docking tháng 08/2021 và triển khai công tác bán tàu, đầu tư tàu trẻ thay thế.
- **Tàu PVT Venus:** Thực hiện hợp đồng cho thuê định hạn, chuyên chở hàng dầu cọ, hóa chất nhẹ.
- Tăng cường công tác quan hệ với khách hàng, lựa chọn các khách hàng có năng lực để tránh rủi ro công nợ, tranh chấp giữa các bên.
- Mở rộng khu vực hoạt động của đội tàu, từng bước tham gia sâu vào hoạt động vận chuyển hóa chất có mức cước cao nhưng đòi hỏi năng lực, kinh nghiệm của cả cán bộ trên văn phòng và thuyền viên cần được nâng cao.
- **Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu, LPG, Logistics** (vận chuyển tháp điện gió siêu trường, siêu trọng): tiếp tục duy trì ổn định các khách hàng và các đầu mối nguồn cung ứng. Tăng cường công tác quan hệ, marketing nhằm tạo mối quan hệ tốt với nhà cung cấp, khách hàng đang thực hiện và mới. Tiếp tục quản lý và kiểm soát chặt chẽ công nợ với khách hàng.
- **Hoạt động kinh doanh mảng đại lý:** Tiếp tục giữ mối quan hệ tốt và duy trì các dịch vụ đại lý cho các chủ mỏ dầu khí hiện nay, cũng như sự ủng hộ của Tổng công ty PV OIL hiện nay. Tăng cường mở rộng quan hệ tìm kiếm các chủ tàu/ mỏ dầu khí (khách hàng mới) để tham gia làm dịch vụ đại lý và các dịch vụ phụ trợ khác như cấp nhiên liệu, nước ngọt.

##### 4.2. Về công tác đầu tư và tài chính:

- Tập trung thực hiện việc tăng số vốn từ chia Cổ tức bằng Cổ phiếu dự kiến 5% trên Vốn điều lệ bổ sung phần vốn cho công tác đầu tư.

- Đầu tư 01 tàu: 01 tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT thuộc kế hoạch đầu tư năm 2019 chuyển qua, trong lúc giá tàu đang thấp giúp trẻ hóa đội tàu, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Hiện nay, đã có Ngân hàng Tiên Phong - CN. TPHCM, Ngân hàng VietinBank, Ngân hàng MSB - HCM quan tâm và sẵn sàng tài trợ cho dự án đầu tư mua tàu của đơn vị.
- Tích cực thực hiện bán tàu già PV Oil Jupiter trong năm 2021 để có nguồn vốn đầu tư trẻ hóa đội tàu.
- Tổ chức xây dựng kế hoạch dòng tiền, thực hiện kiểm soát chặt chẽ trong các hoạt động thu chi. Tiếp tục tập trung xử lý các công nợ tồn đọng, nhằm thu hồi và bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh.

#### **4.3. Giải pháp tổ chức, quản lý:**

- Đảm bảo Hệ thống quản lý an toàn được thực hiện đầy đủ, hoàn thiện và sửa đổi để áp dụng, tuân thủ hệ thống quản lý TMSA.
- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức cho phù hợp với tình hình phát triển của Công ty.
- Huấn luyện và tuyển dụng đội ngũ thuyền viên có chất lượng tốt để phù hợp với việc phát triển đội tàu trong năm 2021 và những năm tới, đặc biệt đáp ứng được yêu cầu vận chuyển hóa chất.
- Tổ chức xây dựng môi trường văn hóa làm việc “năng động, chuyên nghiệp và trách nhiệm”
- Tiếp tục hoàn thiện các Quy trình, quy chế để vừa đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, đảm bảo công tác quản lý nhưng cũng giảm bớt công tác giấy tờ không cần thiết.
- Nâng cao công tác quản trị Công ty, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, trách nhiệm và nhiệt huyết đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty. Nghiên cứu và áp dụng có chọn lọc các mô hình quản lý chuyên nghiệp của các công ty vận tải quốc tế vào mô hình quản lý của đơn vị.
- Đẩy mạnh tuyên truyền toàn thể cán bộ, nhân viên toàn Công ty thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi người trong công tác thực hành tiết kiệm. Duy trì ổn định hiệu quả hoạt động SXKD là nhiệm vụ thiết thực quyết định sự sống còn của đơn vị.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty.

Kính trình Đại hội thông qua./.

  
**GIÁM ĐỐC**

**Hồ Sĩ Thuận**

Tp.HCM, ngày tháng năm 2021

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH 2021**

Kính gửi:

- Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ).
- Quý Cổ đông PVTrans Oil.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PVTrans Oil) kính trình Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của HĐQT như sau:

**I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020**

**1. Cơ cấu của Hội đồng Quản trị**

HĐQT Công ty được Đại hội đồng cổ đông quy định có 5 thành viên, bao gồm:

- |                          |                                |
|--------------------------|--------------------------------|
| - Ông Hoàng Đức Chính    | - Chủ tịch HĐQT (Chuyên trách) |
| - Ông Hồ Sĩ Thuận        | - Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)    |
| - Ông Trần Duy Tân       | - Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)    |
| - Ông Nguyễn Hoài Phương | - Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)    |
| - Ông Nguyễn Văn Bằng    | - Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)    |

Nhằm kiện toàn công tác nhân sự Hội đồng Quản trị để phù hợp với Công ty trong giai đoạn tăng trưởng, tái cơ cấu tài sản phía cổ đông PV Trans trong năm qua có văn bản gửi đến công ty đề nghị thay đổi người đại diện vốn góp của PV Trans tại công ty Phương Đông Việt đối với Ông Trần Duy Tân và Ông Nguyễn Văn Bằng.

Hội đồng Quản trị đã xin ý kiến các thành viên về việc tạm miễn nhiệm đối với 02 thành viên và bầu bổ sung tạm thời đối với Ông Nguyễn Thế Anh và ông Đoàn Đình Hiếu. Các công tác tạm miễn nhiệm và tạm bổ nhiệm thành viên HĐQT thực hiện đúng điều lệ Công ty và quy định về công bố thông tin với UBCK Nhà nước.

Thành phần HĐQT từ cuối tháng 01/2021 bao gồm:

- |                          |                                |
|--------------------------|--------------------------------|
| - Ông Hoàng Đức Chính    | - Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) |
| - Ông Hồ Sĩ Thuận        | - Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)    |
| - Ông Nguyễn Thế Anh     | - Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)    |
| - Ông Nguyễn Hoài Phương | - Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)    |
| - Ông Đoàn Đình Hiếu     | - Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)    |

**2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2020**

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2020 HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò của mình phù hợp với điều lệ và quy chế quản trị của công ty. Các hoạt động cụ thể của HĐQT như sau:

a. *Giám sát Ban ban điều hành thực hiện kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua.*

- HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời các hoạt động của Ban điều hành qua việc tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban điều hành về việc triển khai các Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Theo dõi, nắm bắt quá trình điều hành SXKD thông qua các báo cáo kết quả hàng tháng, hàng quý về các chỉ tiêu KH và có ý kiến cũng như đưa ra các giải pháp hỗ trợ khó khăn vướng mắc theo thẩm quyền của HĐQT.
- Căn cứ Điều lệ công ty và các quy chế quản trị nội bộ, HĐQT đã phân cấp ủy quyền cho Giám đốc chủ động quyết định một số vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp/chi tiết và các kỳ họp HĐQT, được thể hiện qua các quyết định, nghị quyết, giải quyết các vấn đề công nợ, khai thác hiệu quả đội tàu và kinh doanh tốt mảng thương mại.
- Các thành viên trong Ban Giám đốc đều có đủ trình độ, năng lực, phẩm chất, kinh nghiệm và am hiểu lĩnh vực được giao phụ trách.
- Kết thúc năm 2020, HĐQT đánh giá Ban Giám đốc về cơ bản đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của HĐQT và có hiệu quả cụ thể:
  - ✓ Trong kết quả SXKD năm 2020, Công ty đã tính chi phí khấu hao nhanh của tàu PV Oil Jupiter và tàu PV Oil Venus (tàu PV Oil Venus thanh lý giải bản trong tháng 08/2020 đã bàn giao cho khách hàng) tiếp tục phương án khấu hao nhanh của tàu PV Oil Jupiter và để trẻ hóa đội tàu Công ty PĐV tiếp tục khấu hao nhanh tàu Phuong Dong Star, chi phí khấu hao nhanh tăng thêm của tàu PDS là: 10,743 tỷ đồng (dự kiến khấu hao nhanh tàu Phuong Dong Star: 10,743 tỷ đồng). Tổng chi phí khấu hao nhanh của 3 tàu trong năm 2020 là: 18,681 tỷ đồng và kết quả SXKD năm 2020 giảm tương ứng.
  - ✓ Chỉ tiêu doanh thu ước thực hiện **872,84** tỷ đồng, tương đương 90% kế hoạch cả năm.
  - ✓ Về chỉ tiêu lợi nhuận:
    - Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trong trường hợp khấu hao theo kế hoạch: 23,785 tỷ đồng, tương đương 140% kế hoạch năm. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trong trường hợp khấu hao nhanh: 8,552 tỷ đồng;
    - Chỉ tiêu Nộp NSNN ước đạt 12,8 tỷ đồng, tương đương 225% kế hoạch kế hoạch năm.

***b. Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất của HĐQT***

- HĐQT luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như các quy chế nội bộ về quản trị công ty và tình hình thực tế của công ty để đề ra chủ trương phù hợp cho từng thời điểm. Năm 2020, HĐQT đã tiến hành 04 (bốn) cuộc họp định kỳ: Họp HĐQT Quý I, Quý II, Quý III và Quý IV. Trong từng cuộc họp cũng đều có sự phân tích, đánh giá về tình hình hoạt động SXKD và đề ra phương hướng, kế hoạch cho các quý tiếp theo. Ban hành các Nghị quyết, Quyết định, bổ sung và điều chỉnh các quy chế cho phù hợp với tình hình hoạt động SXKD và chiến lược phát triển của công ty. Ban hành các quyết định về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT. Luôn giám sát, đôn đốc Ban điều hành xử lý các công việc còn tồn đọng được HĐQT nêu ra trong các cuộc họp trước và đều thể hiện trong biên bản và nghị quyết sau khi họp. Trong năm 2020, HĐQT đã ban hành 39 Nghị Quyết/ Quyết định đến các vấn đề liên quan HĐSX kinh



doanh và Quản trị công ty.

- Tổ chức họp đầy đủ các cuộc họp các Tiểu ban thuộc HĐQT đối với các vấn đề liên quan theo quy định và có các biên bản cũng như quyết định để làm cơ sở giám sát và kiểm tra.
- Do các thành viên HĐQT chủ yếu là kiêm nhiệm, làm việc tại các đơn vị và địa bàn khác nhau. Do vậy, để tiết kiệm chi phí cho công ty, đối với một số chủ trương theo thẩm quyền, HĐQT đã tổ chức lấy kiến bằng văn bản và ban hành Nghị quyết/ Quyết định để Giám đốc thực hiện kịp thời và đúng quy định.

**c. Công tác tái cấu trúc bộ máy tổ chức công ty và bổ nhiệm cán bộ.**

- Trong năm 2020, để phù hợp với tình hình và nhu cầu phát triển của công ty trong việc tái cơ cấu tổ chức, tài sản, trẻ hóa đội tàu, nâng cao năng lực vận chuyển, trên cơ sở đề xuất của Giám đốc, HĐQT đã xem xét và ban hành nghị quyết về việc thanh lý tàu PVOIL Venus. Trong quá trình xem xét ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị có thành lập tổ thẩm định nhằm đánh giá về quy trình thanh lý, thẩm định hồ sơ và thẩm định các quy định của Pháp luật đúng quy định. Kết quả thanh lý hiệu quả đã giúp công ty thu hồi vốn đầu tư và có cơ sở để trẻ hóa đội tàu .
- Đối với tài sản cố định không còn chức năng hoạt động, trong năm Giám đốc công ty cũng đã tiến hành thanh lý thông qua hình thức đấu giá thành công cũng đã xử lý dứt điểm tồn đọng trong nhiều năm qua. Hội đồng Quản trị cũng đã nhận được báo cáo của Giám đốc sau khi thực hiện và nhận thấy đã tuân thủ đúng quy định Pháp luật.
- Về công tác cán bộ: HĐQT cũng có ý kiến với Giám đốc trước khi bổ nhiệm những cán bộ lãnh đạo tại các bộ phận chức năng trên cơ sở có chuyên môn, trách nhiệm và đạo đức.

**d. Công tác tài chính, đầu tư và mua sắm tài sản**

- Nhận định việc trẻ hóa đội tàu công ty nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh là công tác sống còn đối với sự phát triển bền vững của công ty nên trong năm HĐQT tập trung vào việc tái cơ cấu tài sản theo hướng trẻ hóa đội tàu. Trong năm 2020, HĐQT và Ban điều hành đã tiến hành bán thành công tàu PVOIL Venus cho khách hàng Đài Loan và đầu tư thay thế tàu Malhari.
- Do các nguyên nhân khách qua và chủ quan, việc tăng vốn từ 295 – 476 tỷ bị chậm so với kế hoạch đề ra. Công ty sẽ tiếp tục tiến hành theo chủ trương đã được ĐHCĐ thông qua sau khi đã thống nhất được với cổ đông
- Trong năm 2020, HĐQT cũng ban hành quyết định phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật đối với tàu PVT Synergy và PVT Neptune.

**3. Đánh giá chung**

Với sự chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Giám đốc, kết thúc năm 2020 các chỉ tiêu chính đạt được như sau:

*Đvt: tỷ đồng*

| Stt | Chỉ tiêu       | Kế hoạch năm 2020 | Thực hiện năm 2020 | Đánh giá KQ thực hiện |                      |
|-----|----------------|-------------------|--------------------|-----------------------|----------------------|
|     |                |                   |                    | Thực hiện/ Kế hoạch   | Thực hiện - Kế hoạch |
| 1   | Tổng doanh thu | 970,00            | 872,84             | 90%                   | (97,16)              |



|   |                      |        |        |      |         |
|---|----------------------|--------|--------|------|---------|
| 2 | Tổng chi phí         | 949,00 | 862,02 | 91%  | (86,98) |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 21,00  | 10,82  | 52%  | (10,18) |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế   | 16,80  | 8,552  | 51%  | (8,24)  |
| 5 | Nộp ngân sách NN     | 5,70   | 12,80  | 225% | 7,1     |

HĐQT công ty nhận thấy phía trước vẫn còn nhiều thách thức, còn nhiều việc cần phải làm, cần phải thay đổi tư duy, nếp nghĩ, cách làm để tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển. Công tác quản lý, quản trị cần phải tiếp tục cải tiến để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong SXKD, chất lượng đội ngũ lãnh đạo, đội ngũ thuyền viên cần phải tăng cường đào tạo, tăng tính chủ động và trách nhiệm để theo kịp tốc độ phát triển của Công ty.

## II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

### 1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Căn cứ vào phân tích và đánh giá xu hướng thị trường trong năm 2020 và các nguồn lực thực tế, Công ty đã triển khai xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch và xin báo cáo ĐHCĐ như sau:

*Đvt: triệu đồng*

| Stt        | Chỉ tiêu                       | Kế hoạch năm 2021 | Trong đó:      |                |                |                |
|------------|--------------------------------|-------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|            |                                |                   | Quý I          | Quý II         | Quý III        | Quý IV         |
| -          | Vốn điều lệ                    | 311.100           | 295.000        | 311.100        | 311.100        | 311.100        |
|            | + Tỷ lệ góp vốn PV Trans       | 51%               | 51%            | 51%            | 51%            | 51%            |
| <b>I</b>   | <b>Tổng doanh thu</b>          | <b>950.000</b>    | <b>223.465</b> | <b>233.637</b> | <b>251.362</b> | <b>241.536</b> |
| 1.1        | Từ dịch vụ vận tải             | 433.309           | 93.043         | 104.414        | 122.839        | 113.013        |
| 1.2        | Từ dịch vụ thương mại          | 512.191           | 128.047        | 128.048        | 128.047        | 128.047        |
| 1.3        | Từ dịch vụ đại lý              | 1.500             | 375            | 375            | 375            | 375            |
| 1.4        | Từ hoạt động tài chính         | 3.000             | 2.000          | 800            | 100            | 100            |
| <b>II</b>  | <b>Tổng chi phí</b>            | <b>939.500</b>    | <b>218.878</b> | <b>234.204</b> | <b>243.686</b> | <b>242.732</b> |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>    | <b>10.500</b>     | <b>4.588</b>   | <b>(567)</b>   | <b>7.676</b>   | <b>(1.197)</b> |
| <b>IV</b>  | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>      | <b>8.455</b>      | <b>4.700</b>   | <b>(2.348)</b> | <b>6.600</b>   | <b>(497)</b>   |
| <b>V</b>   | <b>Các khoản phải nộp NSNN</b> | <b>5.000</b>      | <b>1.570</b>   | <b>704</b>     | <b>2.187</b>   | <b>539</b>     |

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 từ trước Tết Nguyên đán năm 2020 và đã kéo dài đến nay với những diễn biến khó lường từ thị trường; HĐQT kinh trình ĐHCĐ ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chủ động điều chỉnh kế hoạch năm 2021 như nêu trên để phù hợp với tình hình thực tế.

### 2. Về công tác tài chính và đầu tư.

- Chủ động tìm kiếm các nhà đầu tư chiến lược, cổ đông ngoài để tiếp tục kế hoạch tăng vốn để đầu tư trẻ hóa đội tàu, nâng cao năng lực khai thác cho công ty
- Đầu tư 01 chở dầu /hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT thuộc kế hoạch đầu tư năm 2019 chuyển tiếp qua và thuê bareboat 01 tàu hàng rời loại Supramax, nhằm mở rộng và trẻ hóa đội tàu, tăng năng lực vận tải và sức cạnh tranh trên thị trường..

- Hỗ trợ Ban điều hành trong làm việc với các Ngân hàng/ tổ chức tín dụng để thu xếp vốn đầu tư mua.
- Tìm kiếm các đối tác, các cổ đông chiến lược để thực hiện các phương án liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư nhằm nâng cao năng lực vận tải và sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường;
- Xem xét nghiên cứu phương án niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn Hose Hồ Chí Minh.
- Xem xét mở rộng lĩnh vực vận chuyển hàng rời và hoàn tất việc thuê bareboat ít nhất 01 tàu hàng rời Supramax;
- Xem xét phương án tăng vốn bằng tài sản từ các cổ đông chiến lược nhưng luôn đảm bảo tính hiệu quả trong phương án xem xét định giá tài sản, đánh giá thị trường một cách đầy đủ, khách quan trong các phương án.

### 3. Công tác tổ chức, quản lý:

- Tiếp tục quản lý, giám sát, chỉ đạo và phối hợp với Giám đốc đưa ra các giải pháp đột phá về tài chính, thị trường, đồng thời hạn chế tối đa công nợ phát sinh, và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ giao.
- Tập trung vào công tác tái cấu trúc tại công ty như tái cấu trúc về thị trường, tái cấu trúc về tài sản và tái cấu trúc về công việc nội tại của công ty theo hướng chuyên môn hóa cao.
- Chỉ đạo sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy chế phục vụ công tác quản trị cho phù hợp với từng thời điểm, đặc biệt là định mức kinh tế kỹ thuật và giám sát chi phí đội tàu.
- Đẩy mạnh công tác chịu trách nhiệm tập thể đến từng cá nhân trong công việc nhằm nâng cao tính sáng tạo, hiệu quả và năng suất của công việc.
- Giám sát Ban điều hành luôn tuân thủ Nghị quyết, Quyết định và đảm bảo tính tuân thủ Pháp luật hiện hành.

Kính trình đại hội xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Đức Chính**

*(Handwritten marks and signatures)*

*Tp.HCM, ngày tháng năm 2021*

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020  
và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020**

Kính gửi: - Đại hội đồng Cổ đông;  
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt.

**I. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020:**

Thực hiện Quyết định số: 61/QĐ-HĐQT ngày 29/06/2020 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Công ty. Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam và Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán đã hoàn thành (đính kèm).

**II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:**

*Đvt: tỷ đồng*

| Stt | Chỉ tiêu               | Kế hoạch 2020 | Thực hiện 2020 | TH/KH 2020 |
|-----|------------------------|---------------|----------------|------------|
| 1   | Doanh thu              | 970,00        | 872,84         | 90%        |
| 2   | Chi phí                | 949,00        | 862,02         | 91%        |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế   | 21,00         | 10,82          | 52%        |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế     | 16,80         | 8,552          | 51%        |
| 5   | Nộp ngân sách nhà nước | 5,70          | 12,80          | 225%       |

Trên đây là Báo cáo thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 Công ty./.

Kính trình Đại hội thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Đức Chính**





**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

| <b><u>NỘI DUNG</u></b>               | <b><u>TRANG</u></b> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC             | 1                   |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP            | 2 - 3               |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                 | 4 - 5               |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6                   |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ           | 7                   |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 8 - 29              |



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

|                        |   |
|------------------------|---|
| Ông Hoàng Đức Chính    | Chủ tịch  |
| Ông Nguyễn Hoài Phương | Thành viên  |
| Ông Hồ Sĩ Thuận        | Thành viên  |
| Ông Trần Duy Tân       | Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2020) |
| Ông Nguyễn Thế Anh     | Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2020)   |
| Ông Nguyễn Văn Bằng    | Thành viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2021) |
| Ông Đoàn Đình Hiếu     | Thành viên (bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2021)   |

##### Ban Giám đốc

|                   |  |
|-------------------|--|
| Ông Hồ Sĩ Thuận   | Giám đốc   |
| Ông Phạm Huy Hiệp | Phó Giám đốc                                     |
| Ông Ngô Mạnh Hà   | Phó Giám đốc                                     |
| Ông Vũ Trọng Độ   | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2020) |

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Sĩ Thuận  
Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Số: 0581 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

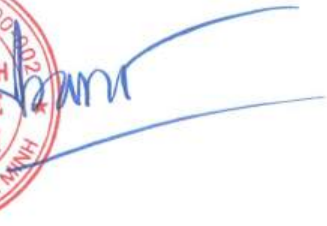


## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính liên quan đến việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



  
Nguyễn Thị Thu Sang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1144-2018-001-1  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 30 tháng 3 năm 2021  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Xuân Cương  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 4349-2019-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>128.808.453.040</b> | <b>124.179.630.741</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>46.875.315.602</b>  | <b>38.472.303.657</b>  |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 11.875.315.602         | 13.472.303.657         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 35.000.000.000         | 25.000.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> |             | <b>19.000.000.000</b>  | <b>2.880.000.000</b>   |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        | 5           | 19.000.000.000         | 2.880.000.000          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>33.286.028.837</b>  | <b>45.761.489.509</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 6           | 16.227.666.027         | 26.613.054.320         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 7           | 4.801.191.796          | 1.487.333.099          |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 8           | 21.616.117.126         | 20.829.794.315         |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 9           | (9.358.946.112)        | (3.168.692.225)        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>10</b>   | <b>15.364.170.373</b>  | <b>19.341.061.172</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 15.364.170.373         | 19.341.061.172         |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>14.282.938.228</b>  | <b>17.724.776.403</b>  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 11          | 2.841.530.324          | 3.559.387.018          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       | 152        |             | 11.431.641.749         | 14.155.623.230         |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | 17          | 9.766.155              | 9.766.155              |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>663.527.508.432</b> | <b>645.346.977.158</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>-</b>               | <b>355.572.000</b>     |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216        | 8           | -                      | 355.572.000            |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |             | <b>493.404.145.018</b> | <b>613.111.265.617</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 12          | 493.404.145.018        | 611.206.729.577        |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 801.071.530.318        | 932.072.741.669        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (307.667.385.300)      | (320.866.012.092)      |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | 13          | -                      | 1.904.536.040          |
| - Nguyên giá                                 | 228        |             | 218.000.000            | 2.431.037.064          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229        |             | (218.000.000)          | (526.501.024)          |
| <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>          | <b>240</b> |             | <b>155.428.485.797</b> | <b>-</b>               |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242        | 14          | 155.428.485.797        | -                      |
| <b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |             | <b>14.694.877.617</b>  | <b>31.880.139.541</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 11          | 10.075.258.349         | 29.752.950.897         |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại            | 262        | 15          | 4.619.619.268          | 2.127.188.644          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>       | <b>270</b> |             | <b>792.335.961.472</b> | <b>769.526.607.899</b> |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>   | <b>300</b> |             | <b>471.259.707.471</b> | <b>455.833.523.780</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>   | <b>310</b> |             | <b>161.065.496.988</b> | <b>210.070.181.007</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 311        | 16          | 50.339.073.144         | 87.947.463.083         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          | 312        |             | 14.664.575.589         | 14.345.787.147         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 313        | 17          | 1.918.146.290          | 2.007.440.460          |
| 4. Phải trả người lao động                                    | 314        |             | 10.269.256.317         | 5.761.501.172          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 315        | 18          | 2.808.777.043          | 3.735.961.855          |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 319        | 19          | 16.228.862.924         | 19.360.661.124         |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                          | 320        | 20          | 64.324.088.805         | 76.689.016.928         |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                  | 322        |             | 512.716.876            | 222.349.238            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>   | <b>330</b> |             | <b>310.194.210.483</b> | <b>245.763.342.773</b> |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                           | 338        | 21          | 310.194.210.483        | 245.763.342.773        |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      | <b>400</b> |             | <b>321.076.254.001</b> | <b>313.693.084.119</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>410</b> | <b>22</b>   | <b>321.076.254.001</b> | <b>313.693.084.119</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                     | 411        |             | 295.000.000.000        | 295.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      | 411a       |             | 235.000.000.000        | 235.000.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi   | 411b       |             | 60.000.000.000         | 60.000.000.000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       | 412        |             | 164.545.455            | 164.545.455            |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                                      | 418        |             | 5.640.832.100          | 3.033.656.185          |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          | 421        |             | 20.270.876.446         | 15.494.882.479         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 11.718.647.926         | 6.804.296.096          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 8.552.228.520          | 8.690.586.383          |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>                      | <b>440</b> |             | <b>792.335.961.472</b> | <b>769.526.607.899</b> |

Tăng Kim Thụy Vi  
 Người lập biểu

Nguyễn Thái Đạo  
 Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận  
 Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|
|   |       |             |                 |                 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                     | 01    |             | 852.421.915.464 | 940.277.033.216 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)    | 10    | 26          | 852.421.915.464 | 940.277.033.216 |
| 3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                       | 11    | 27          | 803.161.479.983 | 895.532.873.947 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)   | 20    |             | 49.260.435.481  | 44.744.159.269  |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính                              | 21    | 29          | 7.928.737.340   | 9.778.092.440   |
| 6. Chi phí tài chính  | 22    | 30          | 14.650.170.491  | 20.949.585.387  |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                                     | 23    |             | 12.732.091.209  | 13.317.370.542  |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp                               | 26    | 31          | 39.211.002.316  | 27.631.860.008  |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26) | 30    |             | 3.328.000.014   | 5.940.806.314   |
| 9. Thu nhập khác  | 31    | 32          | 12.492.091.579  | 4.949.510.601   |
| 10. Chi phí khác  | 32    |             | 4.995.542.230   | 24.247.403      |
| 11. Lợi nhuận khác (40=31-32)                                 | 40    |             | 7.496.549.349   | 4.925.263.198   |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)              | 50    |             | 10.824.549.363  | 10.866.069.512  |
| 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành              | 51    | 33          | 4.764.751.467   | 4.302.671.773   |
| 14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại              | 52    | 33          | (2.492.430.624) | (2.127.188.644) |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)    | 60    |             | 8.552.228.520   | 8.690.586.383   |
| 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                  | 70    | 34          | 364             | 359             |



Tăng Kim Thụy Vi  
 Người lập biểu



Nguyễn Thái Đạo  
 Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận  
 Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Đơn vị: VND              |                          |
|--|-----------|--------------------------|--------------------------|
|  |           | Năm nay                  | Năm trước                |
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                    |           |                          |                          |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>01</b> | <b>10.824.549.363</b>    | <b>10.866.069.512</b>    |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>  |           |                          |                          |
| Khấu hao tài sản cố định   | 02        | 71.060.995.588           | 55.065.382.383           |
| Các khoản dự phòng   | 03        | 6.190.253.887            | 914.238.653              |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        | (1.490.821.152)          | (5.837.579.498)          |
| Lãi từ hoạt động đầu tư  | 05        | (16.023.570.826)         | (2.353.981.920)          |
| Chi phí lãi vay  | 06        | 12.732.091.209           | 13.317.370.542           |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>              | <b>08</b> | <b>83.293.498.069</b>    | <b>71.971.499.672</b>    |
| Thay đổi các khoản phải thu  | 09        | 9.430.379.395            | (8.376.373.456)          |
| Thay đổi hàng tồn kho  | 10        | 3.976.890.799            | (5.452.736.378)          |
| Thay đổi các khoản phải trả  | 11        | (33.651.526.782)         | (17.483.050.355)         |
| Thay đổi chi phí trả trước   | 12        | 20.395.549.242           | (5.138.221.383)          |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14        | (14.176.083.560)         | (12.201.800.827)         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | (5.777.392.887)          | (1.944.967.197)          |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        | -                        | 3.000.000                |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        | (878.691.000)            | (586.650.585)            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                 | <b>20</b> | <b>62.612.623.276</b>    | <b>20.790.699.491</b>    |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                       |           |                          |                          |
| 1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định                                      | 21        | (154.956.858.518)        | (367.627.556.833)        |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                                     | 22        | 62.108.600.000           | -                        |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác                                  | 23        | (19.000.000.000)         | (1.080.000.000)          |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác                          | 24        | 2.880.000.000            | 22.900.000.000           |
| 5. Tiền thu lãi tiền gửi   | 27        | 2.401.492.809            | 2.289.454.374            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                     | <b>30</b> | <b>(106.566.765.709)</b> | <b>(343.518.102.459)</b> |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                   |           |                          |                          |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu  | 31        | -                        | 95.000.000.000           |
| 2. Tiền chi cho chi phí phát hành cổ phiếu   | 32        | -                        | (335.454.545)            |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        | 104.295.069.037          | 280.415.264.702          |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | (51.902.452.918)         | (76.576.671.939)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                  | <b>40</b> | <b>52.392.616.119</b>    | <b>298.503.138.218</b>   |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>                                 | <b>50</b> | <b>8.438.473.686</b>     | <b>(24.224.264.750)</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>38.472.303.657</b>    | <b>62.672.839.880</b>    |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                              | 61        | (35.461.741)             | 23.728.527               |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>                               | <b>70</b> | <b>46.875.315.602</b>    | <b>38.472.303.657</b>    |

  
 Tăng Kim Thụy Vi  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Thái Đạo  
 Kế toán trưởng

  
 Hồ Sĩ Thuận  
 Giám đốc



Ngày 30 tháng 3 năm 2021

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN CHUNG**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại sàn giao dịch UPCOM vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 với mã chứng khoán là PDV.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 247 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 230 người).

#### **Hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh); Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa; Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng; Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển; Bán buôn thực phẩm, đồ uống không có cồn, máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất: công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến và kinh doanh xăng dầu, nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan (trừ gas), xi măng, clanhke, phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp - công nghiệp chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Vận tải hàng hóa bằng xe bồn chở chất lỏng; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển; Tư vấn quản lý, kỹ thuật; Cung ứng và quản lý lao động trong nước.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Sự kiện trọng yếu phát sinh trong năm**

Đại dịch Covid-19 đang gây ra suy thoái kinh tế và tác động xấu cho hầu hết các doanh nghiệp trong nhiều ngành. Ban Giám đốc đã đánh giá tác động của Covid-19 đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, cũng như theo sát các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để có biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh đối với hoạt động của Công ty trong năm. Ban Giám đốc vẫn liên tục theo dõi những diễn biến liên quan đến Covid-19 và đánh giá rằng đại dịch Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                        | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------|----------------|------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10             | 10               |
| Phương tiện vận tải    | 08 - 18        | 08 - 25          |
| Thiết bị văn phòng     | 03 - 05        | 03 - 05          |

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải của Công ty là tàu Phương Đông Star. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác các tàu này. Chi tiết của việc thay đổi thời gian khấu hao được trình bày tại Thuyết minh số 12.

#### Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

##### Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Chi phí trả trước

##### Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vật tư xuất dùng cho tàu, chi phí sửa chữa tàu định kỳ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một năm rưỡi đến ba năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.



## Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                 | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                        | 289.849.688           | 213.652.664           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 11.585.465.914        | 13.258.650.993        |
| Các khoản tương đương tiền      | 35.000.000.000        | 25.000.000.000        |
|                                 | <b>46.875.315.602</b> | <b>38.472.303.657</b> |

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến hai tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 3,55 đến 3,85%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn ba tháng với lãi suất được hưởng là 5,5%/năm).

## 5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất được hưởng là từ 5,5 đến 6,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ sáu tháng đến mười tám tháng và có kỳ hạn còn lại dưới mười hai tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng là từ 5,5%/năm đến 6,6%/năm).

Bao gồm trong đó là khoản tiền gửi với số tiền là 14.000.000.000 đồng theo hợp đồng số 10001/20/HD-HCM ký ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng để đảm bảo cho các nghĩa vụ trả nợ, bảo lãnh thanh toán xử lý khiếu nại sự cố đâm va của tàu Phương Đông Star theo Hợp đồng số 1381438.A.20.HĐCC.HCM ký ngày 17 tháng 02 năm 2020 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

|  | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>a. Bên thứ ba</b>                               |                       |                       |
| Prudensol Inc.                                     | 5.861.080.914         | 5.880.164.095         |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thiên Nam Đạt | 5.349.756.500         | -                     |
| Công ty TNHH Cea Projects                          | 1.745.000.000         | -                     |
| Các đối tượng khác                                 | 3.271.828.613         | 4.948.562.435         |
| <b>b. Bên liên quan</b>                            |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam        | -                     | 15.784.327.790        |
|  | <b>16.227.666.027</b> | <b>26.613.054.320</b> |

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|  | Số cuối năm<br>VND   | Số đầu năm<br>VND    |
|--|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Tàu thủy Sài Gòn | 1.756.275.411        | -                    |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vận tải Phương Mai    | 470.085.809          | 470.085.809          |
| Helintec Marine Limited                                  | 127.682.500          | 289.773.000          |
| Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Biển Xanh               | 480.418.180          | -                    |
| Các đối tượng khác                                       | 1.966.729.896        | 727.474.290          |
|  | <b>4.801.191.796</b> | <b>1.487.333.099</b> |

**8. PHẢI THU KHÁC**

|  | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>                             |                       |                       |
| - Tạm ứng cho nhân viên                        | 2.190.881.565         | 1.445.946.487         |
| - Ký cược, ký quỹ                              | 463.890.000           | 108.318.000           |
| - Khoản đặt cọc cho tòa án vụ tàu Venus (*)    | 3.138.869.803         | 3.149.089.696         |
| - Khoản đặt cọc cho tòa án vụ tàu Jupiter (**) | 6.336.848.339         | 6.357.480.578         |
| - Phải thu khác từ bên thứ ba                  | 9.454.504.131         | 9.170.851.350         |
| - Phải thu khác từ bên liên quan:              |                       |                       |
| + Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam            | 31.123.288            | -                     |
| + Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội       | -                     | 598.108.204           |
|  | <b>21.616.117.126</b> | <b>20.829.794.315</b> |
| <b>b. Dài hạn</b>                              |                       |                       |
| - Ký cược, ký quỹ                              | -                     | 355.572.000           |
|  | -                     | <b>355.572.000</b>    |

(\*) Đây là khoản tiền 136.265,24 Đô la Mỹ Công ty đã đặt cọc từ tháng 10 năm 2018 theo yêu cầu của Tòa án tại Hylnida, Ấn Độ liên quan đến tàu Venus của Công ty do người cung cấp nhiên liệu khiếu nại người thuê tàu chưa thanh toán tiền nhiên liệu và bắt giữ bất hợp lệ. Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tàu đã được giải phóng.

(\*\*) Đây là khoản tiền 275.096,52 Đô la Mỹ Công ty đã đặt cọc từ tháng 02 năm 2018 theo yêu cầu của Tòa án tại Kolkata, Ấn Độ liên quan đến tàu Jupiter của Công ty do người cung cấp nhiên liệu khiếu nại người thuê tàu chưa thanh toán tiền nhiên liệu. Ngày 23 tháng 02 năm 2018, tàu đã được giải phóng.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

| Đối tượng Nợ  | Số cuối năm          |                                  | Số đầu năm           |                                  |
|---|----------------------|----------------------------------|----------------------|----------------------------------|
|   | Giá gốc<br>VND       | Giá trị có<br>thể thu hồi<br>VND | Giá gốc<br>VND       | Giá trị có<br>thể thu hồi<br>VND |
| Công ty Cổ phần Vận tải biển Gia Hải                  | 240.110.231          | -                                | 240.110.231          | -                                |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vận tải Phương Mai | 470.085.809          | -                                | 470.085.809          | -                                |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin          | 256.220.424          | -                                | 256.220.424          | -                                |
| Công ty Xăng dầu Khu vực II TNHH MTV                  | 182.306.943          | -                                | 182.306.943          | -                                |
| Thuyền trưởng tàu Phuong Dong Star                    | 570.742.850          | -                                | 570.742.850          | 92.288.913                       |
| Victory Tankers Limited                               | 1.303.083.233        | -                                | 1.303.083.233        | -                                |
| Stella Tankers (Singapore) Pte Ltd                    | 404.828.608          | -                                | 406.146.695          | 203.073.348                      |
| JVL Overseas Pte Ltd                                  | 70.487.100           | -                                | 70.716.600           | 35.358.300                       |
| Prudensol Inc   | 5.861.080.914        | -                                | 5.880.164.095        | 5.880.164.095                    |
|   | <b>9.358.946.112</b> | <b>-</b>                         | <b>9.379.576.880</b> | <b>6.210.884.655</b>             |

10. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu, vật tư và phụ tùng tồn trên tàu tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

|   | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>                        |                       |                       |
| Chi phí bảo hiểm                          | 2.490.441.657         | 3.394.814.022         |
| Các khoản khác                            | 351.088.667           | 164.572.996           |
|   | <b>2.841.530.324</b>  | <b>3.559.387.018</b>  |
| <b>b. Dài hạn</b>                         |                       |                       |
| Chi phí sửa chữa lớn tàu Jupiter          | 3.529.707.470         | 7.188.037.274         |
| Chi phí sửa chữa lớn tàu Venus            | -                     | 1.401.380.650         |
| Chi phí sửa chữa lớn tàu Phuong Dong Star | 4.841.497.698         | 8.259.025.485         |
| Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Saturn       | 443.818.027           | 5.769.634.347         |
| Chi phí sửa máy đèn tàu PVT Synergy       | -                     | 4.930.454.693         |
| Chi phí sửa chữa văn phòng                | 1.095.622.178         | 1.787.594.080         |
| Các khoản khác                            | 164.612.976           | 416.824.368           |
|   | <b>10.075.258.349</b> | <b>29.752.950.897</b> |



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                               | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VND | Phương tiện<br>vận tải<br>VND | Thiết bị<br>văn phòng<br>VND | Tổng cộng<br>VND       |
|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|------------------------------|------------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                                  |                               |                              |                        |
| Số dư đầu năm                 | 529.726.274                      | 930.789.622.818               | 753.392.577                  | 932.072.741.669        |
| Điều chỉnh trong năm          | -                                | (8.166.042)                   | -                            | (8.166.042)            |
| Thanh lý, nhượng bán          | (529.726.274)                    | (130.463.319.035)             | -                            | (130.993.045.309)      |
| Số dư cuối năm                | -                                | 800.318.137.741               | 753.392.577                  | 801.071.530.318        |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                                  |                               |                              |                        |
| Số dư đầu năm                 | 476.753.632                      | 319.954.716.635               | 434.541.825                  | 320.866.012.092        |
| Khấu hao trong năm            | -                                | 70.977.871.502                | 83.124.086                   | 71.060.995.588         |
| Thanh lý, nhượng bán          | (476.753.632)                    | (83.782.868.748)              | -                            | (84.259.622.380)       |
| Số dư cuối năm                | -                                | 307.149.719.389               | 517.665.911                  | 307.667.385.300        |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                                  |                               |                              |                        |
| Số dư đầu năm                 | <b>52.972.642</b>                | <b>610.834.906.183</b>        | <b>318.850.752</b>           | <b>611.206.729.577</b> |
| Số dư cuối năm                | -                                | <b>493.168.418.352</b>        | <b>235.726.666</b>           | <b>493.404.145.018</b> |

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải của Công ty là các tàu biển với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt là 799.451.880.905 đồng và 493.168.418.352 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 929.923.365.982 đồng và 610.834.906.183 đồng) dùng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.212.713.050 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.212.713.050 đồng).

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải của Công ty là tàu Phuong Dong Star từ 25 năm xuống 18 năm. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác các tàu này. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp năm 2020 sẽ giảm với số tiền là 10.743.394.510 đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm 2020 sẽ tăng với số tiền tương ứng.

Theo Công văn số 72/PĐV-TCG ngày 01 tháng 3 năm 2021, Công ty có kế hoạch bán thanh lý tàu Jupiter trong năm 2021.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

|                               | Quyền sử dụng đất<br>VND | Phần mềm máy tính<br>VND | Tổng cộng<br>VND     |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                          |                          |                      |
| Số dư đầu năm                 | 2.213.037.064            | 218.000.000              | 2.431.037.064        |
| Thanh lý, nhượng bán          | (2.213.037.064)          | -                        | (2.213.037.064)      |
| Số dư cuối năm                | -                        | 218.000.000              | 218.000.000          |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                          |                          |                      |
| Số dư đầu năm                 | 308.501.024              | 218.000.000              | 526.501.024          |
| Thanh lý, nhượng bán          | (308.501.024)            | -                        | (308.501.024)        |
| Số dư cuối năm                | -                        | 218.000.000              | 218.000.000          |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                          |                          |                      |
| Số dư đầu năm                 | <b>1.904.536.040</b>     | -                        | <b>1.904.536.040</b> |
| Số dư cuối năm                | -                        | -                        | -                    |

31/12  
TÀI  
T  
NAI  
30

*(Handwritten mark)*

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 218.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 218.000.000 đồng).

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện toàn bộ chi phí phát sinh để đầu tư mua tàu PVT Venus. Tại ngày 7 tháng 01 năm 2021, tàu PVT Venus đã được đưa vào sử dụng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải của Công ty là tàu PVT Venus với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 155.428.485.797 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 đồng) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

**15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

|  | Số cuối năm<br>VND   | Số đầu năm<br>VND    |
|--|----------------------|----------------------|
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 4.619.619.268        | 2.127.188.644        |
|  | <b>4.619.619.268</b> | <b>2.127.188.644</b> |

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|  | Số cuối năm           |                                 | Số đầu năm            |                                 |
|--|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
|  | Giá trị<br>VND        | Số có khả<br>năng trả nợ<br>VND | Giá trị<br>VND        | Số có khả<br>năng trả nợ<br>VND |
| <b>a. Bên thứ ba</b>                                 |                       |                                 |                       |                                 |
| Công ty Cổ phần Đại Đồng Tiến                        | 5.349.327.500         | 5.349.327.500                   | 10.594.881.000        | 10.594.881.000                  |
| Phải trả cho các đối tượng khác                      | 26.244.157.449        | 26.244.157.449                  | 31.208.624.841        | 31.208.624.841                  |
| <b>b. Bên liên quan</b>                              |                       |                                 |                       |                                 |
| Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí                      | -                     | -                               | 39.946.850.350        | 39.946.850.350                  |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng     | 18.108.094.195        | 18.108.094.195                  | 2.974.204.450         | 2.974.204.450                   |
| Công ty CP Vận tải Dầu khí Vũng Tàu                  | 73.920.000            | 73.920.000                      | 1.008.349.457         | 1.008.349.457                   |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu            | -                     | -                               | 1.726.902.910         | 1.726.902.910                   |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương | 7.733.000             | 7.733.000                       | 63.800.000            | 63.800.000                      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương           | 555.841.000           | 555.841.000                     | 7.646.650             | 7.646.650                       |
| Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam                 | -                     | -                               | 336.614.025           | 336.614.025                     |
| Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí   | -                     | -                               | 79.589.400            | 79.589.400                      |
|  | <b>50.339.073.144</b> | <b>50.339.073.144</b>           | <b>87.947.463.083</b> | <b>87.947.463.083</b>           |

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|   | Số đầu năm           | Số phải thu/nộp<br>trong năm | Số đã thu/nộp<br>trong năm | Số cuối năm          |
|---|----------------------|------------------------------|----------------------------|----------------------|
|   | VND                  | VND                          | VND                        | VND                  |
| <b>a. Các khoản phải thu</b>            |                      |                              |                            |                      |
| Thuế giá trị gia tăng                   | 9.766.155            | -                            | -                          | 9.766.155            |
|   | <b>9.766.155</b>     | <b>-</b>                     | <b>-</b>                   | <b>9.766.155</b>     |
| <b>b. Các khoản phải trả</b>            |                      |                              |                            |                      |
| Thuế giá trị gia tăng                   | -                    | 238.201.778                  | -                          | 238.201.778          |
| Thuế giá trị gia tăng hàng<br>nhập khẩu | -                    | 232.854.286                  | 232.854.286                | -                    |
| Thuế xuất, nhập khẩu                    | -                    | 128.896.258                  | 128.896.258                | -                    |
| Thuế thu nhập cá nhân                   | 182.969.973          | 790.443.508                  | 427.260.068                | 546.153.413          |
| Thuế thu nhập doanh<br>nghiệp           | 1.824.470.487        | 4.764.751.467                | 5.777.392.887              | 811.829.067          |
| Thuế nhà thầu                           | -                    | 6.554.370.736                | 6.232.408.704              | 321.962.032          |
| Thuế môn bài                            | -                    | 4.000.000                    | 4.000.000                  | -                    |
|   | <b>2.007.440.460</b> | <b>12.713.518.033</b>        | <b>12.802.812.203</b>      | <b>1.918.146.290</b> |

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                       | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
|                       | VND                  | VND                  |
| Lãi vay phải trả      | 1.975.636.347        | 2.938.607.601        |
| Chi phí phải trả khác | 833.140.696          | 797.354.254          |
|                       | <b>2.808.777.043</b> | <b>3.735.961.855</b> |

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| <b>a. Bên thứ ba</b>                                  |                       |                       |
| Nhận ký quỹ của thuyền viên                           | 5.329.305.969         | 4.707.036.903         |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp                 | 590.251.497           | 290.835.576           |
| Kinh phí công đoàn                                    | 151.330.363           | 230.529.193           |
| Phải trả khác (*)                                     | 7.783.127.163         | 10.024.148.030        |
| <b>b. Bên liên quan</b>                               |                       |                       |
| Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông                   | 2.077.875.000         | 2.083.500.000         |
| Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí | -                     | 1.628.200.000         |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam                             | 296.972.932           | 309.472.932           |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi            | -                     | 86.938.490            |
|   | <b>16.228.862.924</b> | <b>19.360.661.124</b> |

(\*) Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả liên quan đến dịch vụ tàu biển mà Công ty thu hộ khách hàng như chi phí cảng vụ, cảng phí, phí lai dắt tàu, phí nước ngọt v.v...

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

|  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
|  | VND                   | VND                   |
| Vay ngắn hạn                                   | -                     | 6.005.784.702         |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 21) | 64.324.088.805        | 70.683.232.226        |
|  | <b>64.324.088.805</b> | <b>76.689.016.928</b> |

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

|  | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|--|------------------------|------------------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (*)        |                        |                        |
| - Nợ dài hạn đến hạn trả   | 31.364.475.000         | 45.317.525.000         |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (**) |                        |                        |
| - Vay dài hạn  | 106.229.242.173        | 121.142.206.493        |
| - Nợ dài hạn đến hạn trả   | 14.652.308.914         | 14.683.903.506         |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành (***)            |                        |                        |
| - Vay dài hạn  | 93.633.773.050         | -                      |
| - Nợ dài hạn đến hạn trả   | 4.071.033.611          | -                      |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (****)                                |                        |                        |
| - Vay dài hạn  | 110.331.195.260        | 124.621.136.280        |
| - Nợ dài hạn đến hạn trả   | 14.236.271.280         | 10.681.803.720         |
|  | <b>374.518.299.288</b> | <b>316.446.574.999</b> |

(\*) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 04/2007/HĐTD-TCĐK-22.16 ký ngày 14 tháng 12 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 13.770.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu Phuong Dong Star. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Phuong Dong Star. Lãi suất vay được áp dụng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở SIBOR 6 tháng cộng 1,6%/năm. Khoản vay này được gia hạn thanh toán đến ngày 07 tháng 7 năm 2021 theo phụ lục số PL04-04/2007/HĐTD-TCĐK-22.16 ngày 16 tháng 6 năm 2020

(\*\*) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 301/2018/HĐTD/TTKD Q3/01 ký ngày 02 tháng 01 năm 2019 với số tiền vay là 138.990.000.000 đồng (tương đương 6.000.000 Đô la Mỹ theo hợp đồng hoán đổi tỷ giá hai đồng tiền) để đầu tư mua tàu PVT Synergy. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Synergy. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở LIBOR 6 tháng cộng 3,5%/năm.

(\*\*\*) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 570/2020/HĐTD/BTA/01 ký ngày 30 tháng 11 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 5.250.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Venus. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Venus. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở LSCS DH USD 3 tháng cộng 2,2%/năm.

(\*\*\*\*) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 0675/2019/HĐTD-OCB-DN ký ngày 20 tháng 8 năm 2019 với số tiền vay là 5.827.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Neptune. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Neptune. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở LIBOR 6 tháng cộng 3,2%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

|  | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|--|------------------------|------------------------|
| Trong vòng một năm   | 64.324.088.805         | 70.683.232.226         |
| Trong năm thứ hai  | 45.172.714.637         | 28.926.308.468         |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm  | 135.518.143.911        | 86.778.925.404         |
| Sau năm năm  | 129.503.351.935        | 130.058.108.901        |
|  | <b>374.518.299.288</b> | <b>316.446.574.999</b> |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại khoản mục vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn) | (64.324.088.805)       | (70.683.232.226)       |
|  | <b>310.194.210.483</b> | <b>245.763.342.773</b> |

NHÀ  
 TY  
 Đ  
 C  
 N  
 H



22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

|  | Số cuối năm |                 | Số đầu năm         |                   |
|--|-------------|-----------------|--------------------|-------------------|
|  | Số cổ phần  | VND             | Số cổ phần         | VND               |
| Được phép phát hành                            | 29.500.000  | 295.000.000.000 | 29.500.000         | 295.000.000.000   |
| Đã phát hành và góp vốn đủ                     | 29.500.000  | 295.000.000.000 | 29.500.000         | 295.000.000.000   |
| <b>Cổ phần</b>                                 |             |                 | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b> |
| <b>- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng</b> |             |                 | <b>29.500.000</b>  | <b>29.500.000</b> |
| + Cổ phần phổ thông                            |             |                 | 23.500.000         | 23.500.000        |
| + Cổ phần ưu đãi                               |             |                 | 6.000.000          | 6.000.000         |
| <b>- Số lượng cổ phần đang lưu hành</b>        |             |                 | <b>29.500.000</b>  | <b>29.500.000</b> |
| + Cổ phần phổ thông                            |             |                 | 23.500.000         | 23.500.000        |
| + Cổ phần ưu đãi                               |             |                 | 6.000.000          | 6.000.000         |

Công ty đã phát hành 23.500.000 cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần và 6.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức (trong đó có 3.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức được nhận gấp 1,5 lần so với cổ phần phổ thông và 3.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức được nhận gấp 1,4 lần so với cổ phần phổ thông trong 3 kỳ chia cổ tức liên tiếp kể từ khi bắt đầu chia cổ tức, hết thời hạn này, cổ phần ưu đãi cổ tức sẽ tự động chuyển thành cổ phần phổ thông. Đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty vẫn chưa chia cổ tức và chưa có kế hoạch chia cổ tức trong năm tới). Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

|   | Vốn góp                | Thặng dư           | Quỹ đầu tư           | Lợi nhuận sau thuế    | Tổng                   |
|---|------------------------|--------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
|   | của chủ sở hữu         | vốn cổ phần        | phát triển           | chưa phân phối        |                        |
|   | VND                    | VND                | VND                  | VND                   | VND                    |
| <b>Số dư đầu năm trước</b>              | <b>200.000.000.000</b> | <b>500.000.000</b> | -                    | <b>10.545.805.391</b> | <b>211.045.805.391</b> |
| Lợi nhuận trong năm                     | -                      | -                  | -                    | 8.690.586.383         | 8.690.586.383          |
| Tăng vốn trong năm                      | 95.000.000.000         | -                  | -                    | -                     | 95.000.000.000         |
| Điều chỉnh thặng dư vốn cổ phần         | -                      | (335.454.545)      | -                    | -                     | (335.454.545)          |
| Trích quỹ đầu tư, phát triển            | -                      | -                  | 3.033.656.185        | (3.033.656.185)       | -                      |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi         | -                      | -                  | -                    | (707.853.110)         | (707.853.110)          |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>                | <b>295.000.000.000</b> | <b>164.545.455</b> | <b>3.033.656.185</b> | <b>15.494.882.479</b> | <b>313.693.084.119</b> |
| Lợi nhuận trong năm                     | -                      | -                  | -                    | 8.552.228.520         | 8.552.228.520          |
| Trích quỹ đầu tư, phát triển (*)        | -                      | -                  | 2.607.175.915        | (2.607.175.915)       | -                      |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)     | -                      | -                  | -                    | (869.058.638)         | (869.058.638)          |
| Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*) | -                      | -                  | -                    | (300.000.000)         | (300.000.000)          |
| <b>Số dư cuối năm</b>                   | <b>295.000.000.000</b> | <b>164.545.455</b> | <b>5.640.832.100</b> | <b>20.270.876.446</b> | <b>321.076.254.001</b> |

(\*) Đây là số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-DHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

|                                      | Số cuối năm            |            | Số đầu năm             |            |
|--------------------------------------|------------------------|------------|------------------------|------------|
|                                      | VND                    | %          | VND                    | %          |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | 152.974.870.000        | 51,86      | 152.974.870.000        | 51,86      |
| Công ty TNHH Tân Long                | 76.000.000.000         | 25,76      | 76.000.000.000         | 25,76      |
| Các cổ đông khác                     | 66.025.130.000         | 22,38      | 66.025.130.000         | 22,38      |
|                                      | <b>295.000.000.000</b> | <b>100</b> | <b>295.000.000.000</b> | <b>100</b> |

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

|                         | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|-------------|------------|
| Đô la Mỹ ("USD")        | 360.644     | 259.818    |
| Đô la Singapore ("SGD") | 8.279       | 629        |
| Euro ("EUR")            | 1.321       | 1.612      |

**Cam kết thuê hoạt động**

|   | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|---|----------------|------------------|
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | 34.382.793.814 | 38.647.400.000   |

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

|                                | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Trong vòng một năm             | 32.479.270.000        | 38.502.400.000        |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 14.664.345.000        | 54.029.400.000        |
|                                | <b>47.143.615.000</b> | <b>92.531.800.000</b> |

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê văn phòng tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê là 03 năm từ ngày 01 tháng 7 năm 2018; số tiền thuê xe có thời hạn thuê là 01 năm từ ngày 01 tháng 10 năm 2020 và số tiền thuê tàu PVT Saturn từ ngày 22 tháng 6 năm 2017 đến ngày 22 tháng 6 năm 2022.

**24. CAM KẾT VỐN**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt kế hoạch hoàn thành phương án tăng vốn từ 295.000.000.000 đồng lên 476.000.000.000 đồng để đầu tư thêm 02 tàu nhằm mở rộng và trẻ hóa đội tàu, tăng năng lực vận tải và sức cạnh tranh trên thị trường trong năm 2020. Tại ngày phát hành BCTC này, kế hoạch đang được thực hiện.



25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển; Bộ phận kinh doanh thương mại; Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh như sau:

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển - kinh doanh vận tải bằng tàu. Toàn bộ doanh thu dịch vụ vận chuyển – kinh doanh vận tải bằng tàu đều là doanh thu phát sinh từ hoạt động vận tải quốc tế.

Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng xăng dầu và hàng hóa khác.

Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý - kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển.

Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác - kinh doanh từ cấp dầu, chuyển tải, cảng phí, v.v.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Bảng cân đối kế toán

| <b>SỐ ĐẦU NĂM</b>                | Dịch vụ vận chuyển<br>VND | Thương mại<br>VND | Dịch vụ đại lý<br>VND | Hoạt động khác<br>VND | Tổng<br>VND            |
|----------------------------------|---------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Tài sản                          |                           |                   |                       |                       |                        |
| Tài sản bộ phận                  | 699.724.844.363           | 3.976.761.768     | 1.719.217.379         | 175.820.000           | 705.596.643.510        |
| Tài sản không phân bổ            |                           |                   |                       |                       | 63.929.964.389         |
| <b>Tổng tài sản hợp nhất</b>     |                           |                   |                       |                       | <b>769.526.607.899</b> |
| Nợ phải trả                      |                           |                   |                       |                       |                        |
| Nợ phải trả bộ phận              | 450.258.719.312           | 254.435.617       | 93.665.640            | 1.021.083.437         | 451.627.904.006        |
| Nợ phải trả không phân bổ        |                           |                   |                       |                       | 4.205.619.774          |
| <b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b> |                           |                   |                       |                       | <b>455.833.523.780</b> |

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| <b>NĂM TRƯỚC</b>                             | Dịch vụ vận chuyển<br>VND | Thương mại<br>VND      | Dịch vụ đại lý<br>VND | Hoạt động khác<br>VND | Tổng<br>VND            |
|--|---------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>Doanh thu</b>                             |                           |                        |                       |                       |                        |
| Doanh thu thuần ra bên ngoài                 | 345.883.423.115           | 591.821.176.086        | 2.311.389.910         | 261.044.105           | 940.277.033.216        |
| Doanh thu thuần cho các bộ phận khác         | -                         | -                      | -                     | -                     | -                      |
| <b>Tổng doanh thu</b>                        | <b>345.883.423.115</b>    | <b>591.821.176.086</b> | <b>2.311.389.910</b>  | <b>261.044.105</b>    | <b>940.277.033.216</b> |
| <b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>          |                           |                        |                       |                       |                        |
| Lợi nhuận gộp                                | 43.832.860.487            | 76.901.074             | 803.215.195           | 31.182.513            | 44.744.159.269         |
| Chi phí không phân bổ                        |                           |                        |                       |                       | (27.631.860.008)       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh            |                           |                        |                       |                       | 17.112.299.261         |
| Doanh thu hoạt động tài chính                |                           |                        |                       |                       | 9.778.092.440          |
| Lợi nhuận khác                               |                           |                        |                       |                       | 4.925.263.198          |
| Chi phí tài chính                            |                           |                        |                       |                       | (20.949.585.387)       |
| Lợi nhuận trước thuế                         |                           |                        |                       |                       | 10.866.069.512         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp           |                           |                        |                       |                       | (4.302.671.773)        |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại |                           |                        |                       |                       | 2.127.188.644          |
| Lợi nhuận trong năm                          |                           |                        |                       |                       | <b>8.690.586.383</b>   |

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

|                              | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu thương mại         | 496.386.948.529        | 591.821.176.086        |
| Doanh thu dịch vụ vận chuyển | 354.926.561.419        | 345.883.423.115        |
| Doanh thu đại lý tàu biển    | 1.108.405.516          | 2.311.389.910          |
| Doanh thu hoạt động khác     | -                      | 261.044.105            |
|                              | <b>852.421.915.464</b> | <b>940.277.033.216</b> |

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

|   | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|---|------------------------|------------------------|
| Giá vốn thương mại                        | 496.640.704.117        | 591.744.275.012        |
| Giá vốn vận chuyển xăng dầu - tàu công ty | 305.947.034.171        | 302.050.562.628        |
| Giá vốn đại lý tàu biển                   | 573.741.695            | 1.508.174.715          |
| Giá vốn hoạt động khác                    | -                      | 229.861.592            |
|   | <b>803.161.479.983</b> | <b>895.532.873.947</b> |

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

|                                  | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 43.430.468.112         | 52.039.313.447         |
| Chi phí nhân công                | 67.543.444.423         | 53.429.807.058         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 71.060.995.588         | 55.065.382.383         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 119.536.020.344        | 112.837.627.097        |
| Chi phí khác bằng tiền           | 44.160.849.715         | 58.048.328.958         |
|                                  | <b>345.731.778.182</b> | <b>331.420.458.943</b> |

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|                       | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi          | 2.552.929.795        | 2.353.981.920        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 5.375.807.545        | 7.424.110.520        |
|                       | <b>7.928.737.340</b> | <b>9.778.092.440</b> |

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|                      | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay      | 12.732.091.209        | 13.317.370.542        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 1.918.079.282         | 6.763.792.653         |
| Khác                 | -                     | 868.422.192           |
|                      | <b>14.650.170.491</b> | <b>20.949.585.387</b> |

**31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                         | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lương nhân viên | 20.396.282.822        | 13.367.689.487        |
| Chi phí mua ngoài       | 18.072.927.131        | 13.406.993.998        |
| Các khoản khác          | 741.792.363           | 857.176.523           |
|                         | <b>39.211.002.316</b> | <b>27.631.860.008</b> |

**32. THU NHẬP KHÁC**

|   | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND     |
|---|-----------------------|----------------------|
| Nhiên liệu, vật tư, phụ tùng nhận được khi nhận tàu | -                     | 3.750.139.463        |
| Thu từ bồi thường tổn thất tàu                      | 7.249.678.540         | 650.996.082          |
| Thu từ thanh lý TSCĐ                                | 4.425.727.212         | -                    |
| Thu nhập khác (*)                                   | 816.685.827           | 548.375.056          |
|   | <b>12.492.091.579</b> | <b>4.949.510.601</b> |

(\*) Thu nhập khác bao gồm thu nhập từ xử lý chênh lệch công nợ, thu tiền phạt đào tạo thuyền viên khi chấm dứt hợp đồng, thanh lý công cụ, dụng cụ cũ v.v...

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

|   | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|---|----------------------|----------------------|
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>   |                      |                      |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành                               | 4.695.883.670        | 4.302.671.773        |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 68.867.797           | -                    |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>  | <b>4.764.751.467</b> | <b>4.302.671.773</b> |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

|   | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                         | <b>10.824.549.363</b> | <b>10.866.069.512</b> |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ         | 20.756.248.752        | 10.763.940.624        |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế                       | (8.101.379.767)       | (116.651.273)         |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>                           | <b>23.479.418.348</b> | <b>21.513.358.863</b> |
| Thuế suất   | 20%                   | 20%                   |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b> | <b>4.695.883.670</b>  | <b>4.302.671.773</b>  |

|   | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|---|----------------------|----------------------|
| <b>Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>   |                      |                      |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 2.492.430.624        | 2.127.188.644        |
|   | <b>2.492.430.624</b> | <b>2.127.188.644</b> |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.



**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

|   | Năm nay       | Năm trước<br>(Trình bày lại) |
|---|---------------|------------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)   | 8.552.228.520 | 8.690.586.383                |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)   | -             | 869.058.638                  |
| Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)   | -             | 300.000.000                  |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) (**)                           | 8.552.228.520 | 7.521.527.745                |
| Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu) | 23.500.000    | 20.923.836                   |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>                                  | <b>364</b>    | <b>359</b>                   |

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trích theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 được phê duyệt theo Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020. Theo đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo tỷ lệ là 10% trên lợi nhuận sau thuế.

(\*\*) Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa xem xét đến ảnh hưởng của 6.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức do trong năm Công ty vẫn chưa có kế hoạch chia cổ tức cho cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 căn cứ vào số quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được phân phối từ lợi nhuận năm 2019, như sau:

|  | Số đã báo cáo<br>VND | Thay đổi<br>VND | Số sau trình bày lại<br>VND |
|--|----------------------|-----------------|-----------------------------|
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | -                    | 869.058.638     | 869.058.638                 |
| Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành              | -                    | 300.000.000     | 300.000.000                 |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 8.690.586.383        | (1.169.058.638) | 7.521.527.745               |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)          | 415                  | (56)            | 359                         |

**35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

| <u>Bên liên quan</u>  | <u>Mối quan hệ</u>                   |
|---|--------------------------------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí  | Công ty mẹ                           |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương   | Cùng Công ty mẹ                      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam   | Cùng Công ty mẹ                      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội  | Cùng Công ty mẹ                      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu  | Cùng Công ty mẹ                      |
| Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam   | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam   | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| Tổng Công ty Bảo hiểm PVI   | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương  | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| Công ty Cổ Phần Sơn Dầu Khí Việt Nam  | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí                                   | Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

|   |            |               |
|---|------------|---------------|
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn              | -          | 10.322.303    |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh             | -          | 67.059.238    |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa            | -          | 29.896.618    |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng             | -          | 1.346.227.932 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam           | -          | 3.068.368.365 |
| Công ty TNHH Tân Long                                 | -          | 2.548.093.125 |
| Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí | -          | 1.628.200.000 |
| Công ty Cổ Phần Sơn Dầu Khí Việt Nam                  | -          | 591.913.750   |
| Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải           | 29.854.153 | -             |

**Mua tài sản cố định**

|                       |   |                 |
|-----------------------|---|-----------------|
| Công ty TNHH Tân Long | - | 212.957.250.000 |
|-----------------------|---|-----------------|

**Nhận tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông lớn sau**

|                                      |   |                |
|--------------------------------------|---|----------------|
| Công ty TNHH Tân Long                | - | 66.000.000.000 |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | - | 17.000.000.000 |

**Các khoản vay**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn:

|                         |                |                |
|-------------------------|----------------|----------------|
| - Gốc vay đã thanh toán | 13.941.000.000 | 59.802.331.250 |
| - Lãi vay đã trả        | 1.443.924.473  | 3.486.699.571  |

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:**

|               | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|---------------|----------------|------------------|
| Lương, thưởng | 3.452.374.000  | 2.311.564.737    |

Chi tiết thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm theo từng đối tượng cụ thể như sau:

| Tên                    | Chức vụ                   | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|------------------------|---------------------------|----------------|------------------|
| Ông Hoàng Đức Chính    | Chủ tịch                  | 849.470.000    | 613.602.659      |
| Ông Nguyễn Hoài Phương | Thành viên HĐQT           | 24.000.000     | 24.000.000       |
| Ông Hồ Sĩ Thuận        | Thành viên HĐQT/ Giám đốc | 920.996.000    | 655.033.571      |
| Ông Trần Duy Tân       | Thành viên HĐQT           | 18.000.000     | -                |
| Ông Nguyễn Thế Anh     | Thành viên HĐQT           | 6.000.000      | -                |
| Ông Nguyễn Văn Bằng    | Thành viên HĐQT           | 24.000.000     | 24.000.000       |
| Ông Nguyễn Đức Thắng   | Thành viên HĐQT           | -              | 16.000.000       |
| Ông Phạm Huy Hiệp      | Phó Giám đốc              | 609.048.000    | 506.485.918      |
| Ông Ngô Mạnh Hà        | Phó Giám đốc              | 571.920.000    | 472.442.589      |
| Ông Vũ Trọng Độ        | Phó Giám đốc              | 428.940.000    | -                |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán được trình bày trong các Thuyết minh số 6, 8, 16 và 19. Ngoài ra số dư khác như sau:

|  | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|--|--------------------|-------------------|
| <b>Các khoản vay</b>   |                    |                   |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn: |                    |                   |
| - Gốc vay phải trả   | 31.364.475.000     | 45.317.525.000    |
| - Lãi vay phải trả   | 350.264.543        | 921.187.725       |

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 1.975.636.347 đồng (năm 2019: 2.938.607.601 đồng), là số tiền lãi vay phải trả phát sinh trong năm nay nhưng chưa thanh toán, và đã bao gồm số tiền 2.938.607.601 đồng (năm 2019: 1.781.416.418 đồng) là số tiền lãi vay phải trả chưa thanh toán vào cuối năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 589.013.699 đồng là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm chưa nhận được (năm 2019: 437.576.713 đồng), và bao gồm số tiền 437.576.713 đồng là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm trước đã nhận được trong năm nay (năm 2019: 373.049.167 đồng).



Tăng Kim Thụy Vi  
Người lập biểu



Nguyễn Thái Đạo  
Kế toán trưởng

  
M.S.D.N: 0304934809  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬN TẢI DẦU  
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT  
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Hồ Sĩ Thuận  
Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021



Tp.HCM, ngày tháng năm 2021

## TỜ TRÌNH

### Về việc: phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông;  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức & hoạt động Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, giao cho HĐQT thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết và xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan để thực hiện phương án phân phối lợi nhuận theo đúng quy định của pháp luật hiện hành như sau:

Đơn vị tính: VND

|            |  |                       |
|------------|--|-----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 theo BCTC đã được kiểm toán:</b> | <b>20.270.876.446</b> |
| 1          | Lãi lũy kế năm 2019 chuyển sang  | 11.718.647.926        |
| 1.1        | Lãi lũy kế năm trước chuyển sang năm 2019                                      | 6.804.296.096         |
| 1.2        | Lợi nhuận thực hiện năm 2019   | 4.914.351.830         |
| 2          | Lợi nhuận thực hiện năm 2020   | 8.552.228.520         |
| <b>II</b>  | <b>Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối: = (2)</b>                           | <b>8.552.228.520</b>  |
| <b>III</b> | <b>Tổng các Quỹ được trích lập:</b>  | <b>3.720.891.408</b>  |
| 1          | Quỹ đầu tư phát triển: = 30% x (II)  | 2.565.668.556         |
| 2          | Quỹ khen thưởng, phúc lợi: = 10% x (II)  | 855.222.852           |
| 3          | Quỹ khen thưởng Ban điều hành  | 300.000.000           |
| <b>IV</b>  | <b>Chia Cổ tức bằng Cổ phiếu (5%)</b>  | <b>16.100.000.000</b> |
| <b>V</b>   | <b>Lãi lũy kế chuyển sang năm 2021: = (I) - (III) - (IV)</b>                   | <b>449.985.038</b>    |

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

Hoàng Đức Chính



Tp.HCM, ngày.....tháng.....năm 2021


## TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt.

Căn cứ vào phân tích, đánh giá xu hướng thị trường vận tải trong năm 2021, dựa vào các nguồn lực thực tế của đơn vị. Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt triển khai xây dựng và đề ra các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của năm 2021 như sau:

| Stt | Chỉ tiêu             | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2021 |
|-----|----------------------|-------------|-------------------|
| 1   | Tổng doanh thu       | Tỷ đồng     | 950,0             |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng     | 10,5              |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng     | 8,5               |
| 4   | Nộp NSNN             | Tỷ đồng     | 5,0               |

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty./. 

Kính trình Đại hội thông qua./.

 TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

Hoàng Đức Chính

**TỜ TRÌNH**  
**Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt

Liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính của Công ty năm 2021, HĐQT và Ban kiểm soát công ty đã thảo luận, xem xét, đánh giá các công ty kiểm toán lớn, uy tín và nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được Bộ tài chính/UBCK Nhà nước chấp thuận.

**1. Tiêu chí lựa chọn các đơn vị kiểm toán:**

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có đầy đủ các chức năng theo qui định. Có đội ngũ kiểm toán viên được đánh giá trung thực, có đạo đức nghề nghiệp, có nhiều kinh nghiệm... nhằm đảm bảo chất lượng của báo cáo kiểm toán.
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

**2. Đề xuất :**

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty đã thông qua danh sách 03 Công ty kiểm toán lớn, uy tín hàng đầu... có tên trong danh sách các công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán đã được Bộ Tài chính/UBCKNN công bố. Danh sách các Công ty kiểm toán như sau:

- a. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte);
- b. Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y);
- c. Công Ty TNHH DV TV Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Trên cơ sở danh sách các Công ty kiểm toán nêu trên, HĐQT và Ban kiểm soát công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua danh sách và ủy quyền cho HĐQT, Ban kiểm soát lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2021 theo qui định hiện hành.

Ban kiểm soát công ty kính trình Đại hội xem xét thông qua./. *nk*

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**

**Bùi Lan Anh**

Tp.HCM, ngày tháng năm 2021

**TỜ TRÌNH**  
**Báo cáo thù lao năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021**  
**của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ).  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt

Hội đồng Quản trị (HDQT) Công ty trân trọng kính trình HĐQT báo cáo thù lao năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021 của HDQT, Ban kiểm soát (BKS) như sau:

**1. Thù lao của HDQT, Ban Kiểm soát năm 2020 :**

Căn cứ vào nghị quyết của HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt năm 2020 về kế hoạch thù lao của HDQT, BKS năm 2021, Công ty Cổ phần vận tải dầu Phương Đông Việt xin báo cáo như sau:

- Đối với Thành viên HDQT chuyên trách (01 người): thực hiện theo đúng Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách của Công ty.
- Đối với Thành viên HDQT, BKS không chuyên trách như sau:

| Stt                    | Chi tiết   | Số người | Kế hoạch năm       | Thực hiện năm      |
|------------------------|--|----------|--------------------|--------------------|
| 1                      | <b>Thành viên HĐQT</b>                               | 3        | <b>72.000.000</b>  | <b>72.000.000</b>  |
| 2                      | <b>Thành viên Ban Kiểm soát: trong đó</b>            | 4        | <b>48.000.000</b>  | <b>48.000.000</b>  |
|                        | Trưởng ban Kiểm soát                                 | 1        | 18.000.000         | 18.000.000         |
|                        | Thành viên Ban Kiểm soát ( từ ngày 01/01-19/06/2020) | 2        | 12.000.000         | 12.000.000         |
|                        | Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 19/06-31/12/2020)  | 3        | 18.000.000         | 18.000.000         |
| <b>Tổng cộng (VNĐ)</b> |  |          | <b>120.000.000</b> | <b>120.000.000</b> |

**2. Kế hoạch thù lao của HDQT, Ban Kiểm soát năm 2021:**

- Lương, thưởng của Chủ tịch HĐQT/TV HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách được áp dụng theo chế độ trả lương/thưởng của Công ty.
- Lương, thưởng của thành viên HDQT kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của công ty được áp dụng theo chế độ trả lương/thưởng của Công ty.
- Thù lao của Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ không chuyên trách: 3.000.000đ/người/tháng.

- Thù lao của các thành viên HĐQT làm việc theo chế độ không chuyên trách: 2.000.000đ/người/tháng.
- Thù lao của Trưởng ban Kiểm soát làm việc theo chế độ không chuyên trách: 1.500.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao của các thành viên còn lại của Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ không chuyên trách: 1.000.000đ/người/tháng.

**3. HĐQT trân trọng kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua các vấn đề sau:**

- Thông qua báo cáo thù lao của HĐQT và của Ban Kiểm soát năm 2020.
- Thông qua kế hoạch thù lao của HĐQT và của Ban Kiểm soát năm 2021. Giao cho HĐQT và Ban kiểm soát quyết định việc phân phối thù lao cho các thành viên trong HĐQT và Ban Kiểm soát theo đúng quy định của Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Đức Chính**

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ  
Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ).  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP - Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

Thực hiện việc sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt theo các quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Thông tư Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt theo nội dung như dự thảo đính kèm.

Kính trình Đại hội./. *NMC*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Đức Chính**





**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU  
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT  
(PVTRANS OIL)**

**ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU  
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng ..... năm 2021*

|  |    |
|--|----|
| <b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....   | 4  |
| <b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b> .....   | 4  |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....   | 4  |
| <b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b> ..... | 5  |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....                                    | 5  |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....  | 5  |
| <b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> 5  |    |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....  | 5  |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....  | 7  |
| <b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN</b> .....  | 7  |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần .....   | 7  |
| Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....  | 8  |
| Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....   | 8  |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....  | 8  |
| <b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....  | 9  |
| Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....   | 9  |
| <b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....   | 9  |
| Điều 11. Quyền của cổ đông: .....  | 9  |
| Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông .....  | 10 |
| Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....   | 11 |
| Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....   | 13 |
| Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....  | 14 |
| Điều 16. Thay đổi các quyền.....   | 15 |
| Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông .....   | 16 |
| Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....   | 17 |
| Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....   | 18 |
| Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....  | 20 |
| Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....  | 21 |
| Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....   | 23 |
| Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....   | 24 |
| <b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....  | 24 |

|   |           |
|---|-----------|
| Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....   | 24        |
| Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....   | 25        |
| Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....  | 27        |
| Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....   | 29        |
| Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....   | 30        |
| Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....  | 30        |
| Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị .....   | 32        |
| Điều 31. Người phụ trách quản trị Tổng công ty .....  | 32        |
| <b>VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>  | <b>33</b> |
| Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý .....   | 33        |
| Điều 33. Người điều hành Công ty .....  | 33        |
| Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc .....   | 34        |
| <b>IX. BAN KIỂM SOÁT .....</b>  | <b>35</b> |
| Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....   | 35        |
| Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát .....   | 35        |
| Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát .....   | 36        |
| Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....  | 37        |
| Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát .....   | 37        |
| Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát .....                                 | 38        |
| <b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b> | <b>38</b> |
| Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....  | 38        |
| Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....  | 39        |
| <b>XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....</b>  | <b>39</b> |
| Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ .....   | 39        |
| <b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>  | <b>40</b> |
| Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....   | 40        |
| <b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>  | <b>40</b> |
| Điều 45. Phân phối lợi nhuận .....  | 40        |
| <b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....</b>   | <b>41</b> |
| Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....   | 41        |
| Điều 47. Năm tài chính.....   | 41        |
| Điều 48. Chế độ kế toán .....   | 41        |
| <b>XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>                                 | <b>42</b> |

*Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt*

---

|   |           |
|---|-----------|
| Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý ..... | 42        |
| Điều 50. Báo cáo thường niên .....                    | 42        |
| <b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....</b>                    | <b>42</b> |
| Điều 51. Kiểm toán .....                              | 42        |
| <b>XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP .....</b>               | <b>42</b> |
| Điều 52. Dấu của doanh nghiệp .....                   | 42        |
| <b>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....</b>                   | <b>43</b> |
| Điều 53. Giải thể Công ty.....                        | 43        |
| Điều 54. Gia hạn hoạt động.....                       | 43        |
| Điều 55. Thanh lý.....                                | 43        |
| <b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>        | <b>44</b> |
| Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....            | 44        |
| <b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>            | <b>44</b> |
| Điều 57. Điều lệ Công ty.....                         | 44        |
| <b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....</b>                       | <b>44</b> |
| Điều 58. Ngày hiệu lực.....                           | 44        |

**PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số /NQ-ĐHCD ngày tháng năm 2021.

**I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

**Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày 27/5/2002 theo Quyết định số 358/QĐ-VPCP của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ và quy định nội bộ có liên quan của Công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.



**Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt**

**II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
- Tên tiếng Anh: PHUONG DONG VIET TRANSPORTATION OIL JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: PHUONG DONG VIET TRANSPORTATION OIL JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: PV TRANS OIL

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của công ty:

- Địa chỉ: Lầu 8, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-28) 6291 1281 ; Fax: (84-28) 6291 1280
- Email: info@pvoilshipping.vn ; Website: [www.pvoilshipping.vn](http://www.pvoilshipping.vn)

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.

**III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

| STT | Tên ngành  | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 01  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất vật liệu bảo ôn cách nhiệt , chế tạo các thiết bị nhiệt | 3290     |
| 02  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu bảo ôn cách nhiệt                 | 4669     |
| 03  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét  | 0810     |

**Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt**

|    |  |      |
|----|--|------|
| 04 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên   | 0910 |
| 05 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển   | 5012 |
| 06 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá đường thủy nội địa  | 5022 |
| 07 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy<br>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa   | 5222 |
| 08 | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển  | 5224 |
| 09 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Đại lý hàng hải  | 5229 |
| 10 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu; nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan (trừ gas). Bán buôn dầu khí hóa lỏng LPG (không hoạt động tại Thành Phố hồ Chí Minh) | 4661 |
| 11 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn xi măng, clanhke   | 4663 |
| 12 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa. Bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, công nghiệp  | 4669 |
| 13 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc mạnh)  | 3290 |
| 14 | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)<br>Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở)  | 3315 |
| 15 | Thoát nước và xử lý nước thải<br>(không hoạt động tại trụ sở)  | 3700 |
| 16 | Thu gom rác thải độc hại<br>(không hoạt động tại trụ sở)   | 3812 |
| 17 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại<br>(không hoạt động tại trụ sở)   | 3821 |
| 18 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại<br>(không hoạt động tại trụ sở)   | 3822 |
| 19 | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>(không hoạt động tại trụ sở)  | 3900 |
| 20 | Chuẩn bị mặt bằng  | 4312 |
| 21 | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới hải quan   | 4610 |
| 22 | Bán buôn thực phẩm<br>(không hoạt động tại trụ sở)   | 4632 |
| 23 | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: bán buôn đồ uống không cồn   | 4633 |
| 24 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất; công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến  | 4659 |
| 25 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải hàng hóa bằng xe bồn chở chất lỏng  | 4933 |
| 26 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển   | 8299 |

## ***Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt***

|    |  |      |
|----|--|------|
| 27 | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề   | 8532 |
| 28 | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn quản lý, kỹ thuật   | 7020 |
| 29 | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận tải; tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới  | 7710 |
| 30 | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ kinh doanh hoạt động cho thuê lại lao động) | 7830 |

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Phát triển kinh doanh theo hướng đa ngành nghề trong đó lấy hoạt động dịch vụ vận tải dầu khí và dịch vụ hàng hải là ngành nghề kinh doanh chính, đồng thời phát triển mạnh lĩnh vực vận tải đường thủy, đường bộ, các dịch vụ khác, kinh doanh thương mại nhằm đưa Công ty trở thành một hãng tàu vận tải hoạt động hiệu quả và mạnh trong nước và trong khu vực, đáp ứng được kỳ vọng của các cổ đông, nâng cao điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, tích cực đóng góp an sinh xã hội.

### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**

### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Công ty là **295.000.000.000 VND**.

*(Bằng chữ: Hai trăm chín mươi lăm tỷ đồng chẵn).*

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **29.500.000 cổ phần (Hai mươi chín triệu năm trăm nghìn )** với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm **29.500.000 cổ phần (Hai mươi chín triệu năm trăm nghìn cổ phần)**, các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng

Quản trị của Công ty quyết định theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 (hai) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 11. Quyền của cổ đông:**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;



l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **5%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho Công ty và các cổ đông dự họp năm (05) ngày làm việc trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 24 và Điều 34 của Điều lệ này.

## **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ

## Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

đồng đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và Điều 11 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những

## Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty;
  - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
  - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
  - q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - u) Trong trường hợp đặc biệt, các cổ đông có thể Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện quyền của Đại hội đồng cổ đông giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông.
  - p) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật.

**Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

## **Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã



phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan

## Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều 11 và Khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33,0% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được

tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội cổ đông lần thứ nhất.

**Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện theo uỷ quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được uỷ quyền phải kiểm tra thông tin trên phiếu nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu vào mục tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến nghị quyết theo hướng dẫn của ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu sau đó đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

## Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

**Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65,0% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 20 này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty khác với cơ cấu tổ chức quy định tại Điều 10 Điều lệ này và các thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 20 này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân

## ***Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt***

với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;



d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

*Handwritten signature*

## Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công

bổ thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

6. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Toà án, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Toà án có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc Đại hội.

### **Điều 23. Yêu cầu huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;

## Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có);
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### **Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Khoản 5, 6 và 7 Điều này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, quy định của Công ty;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

7. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều này.

**Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt**

8. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

9. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

**Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Kiến nghị việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 của Điều lệ này và điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ và quy định nội bộ của các Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo quy chế nội bộ của Công ty;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;



l) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

r) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty và theo quy định của pháp luật. Việc tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

5. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b) Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch phát triển hàng năm của Công ty.

c) Thành lập công ty con của Công ty; mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Công ty.

d) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;

e) Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

## ***Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt***

f) Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các loại tài sản phi tiền tệ khác;

i.) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j) Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí và căn cứ quy định nội bộ của Công ty. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho

những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

**Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

## Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 12 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm

nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

**11. Biểu quyết:**

a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị/người được uỷ quyền có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ toạ và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

**Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là (03 người) bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. (Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.) Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

## Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 33. Người điều hành công ty**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.



2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ quy định nội bộ của Công ty.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

k) Kiến nghị số lượng Người điều hành Công ty mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Công ty và kiến nghị thù lao,

## Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;

l) Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;

m) Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quy chế nội bộ của Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

6. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

### **IX. BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Kiểm soát viên của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức bằng văn bản gửi tới Công ty và được chấp thuận;

c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

## Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

**Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

**X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

**Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50,0% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

## ***Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt***

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

### **Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:



a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 44. Công nhân viên và công đoàn**

1. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 45. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

## **Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt**

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 46. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 47. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

#### **Điều 48. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 50. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 51. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Điều 52. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 53. Giải thể Công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

### **Điều 54. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

### **Điều 55. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

### **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành công đoàn Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

### **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 57. Điều lệ Công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

### **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

#### **Điều 58. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

**Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt**

2. Điều lệ được lập thành 06(sáu) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.

**HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

- |           |                           |       |
|-----------|---------------------------|-------|
| <b>01</b> | <b>Hoàng Đức Chính</b>    | ..... |
| <b>02</b> | <b>Hồ Sĩ Thuận</b>        | ..... |
| <b>03</b> | <b>Nguyễn Hoài Phương</b> | ..... |
| <b>04</b> | <b>Nguyễn Thế Anh</b>     | ..... |
| <b>05</b> | <b>Đoàn Đình Hiếu</b>     | ..... |



TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Sửa đổi Quy chế nội bộ về  
Quản trị của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ).  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

Thực hiện việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt theo các quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt đã dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt phù hợp với quy định mới của Nghị định và thông tư nói trên. Các Quy chế trước đây đã ban hành trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị của Công ty như dự thảo nội dung đính kèm.

Kính trình Đại hội./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Đức Chính**

Hồ chí minh, ngày ... tháng ... năm 2021

## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ..... ngày..... tháng..... năm...../.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt. (Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty bao gồm các nội dung sau:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (sau đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng dựa trên Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt, Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các văn bản pháp luật liên quan khác.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

#### 3. Giải thích thuật ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Quản trị Công ty: là hệ thống các nguyên tắc đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty;

- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

- Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

- Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

- Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

## **Điều 2. Đại hội đồng cổ đông**

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 14 của Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 13 của Điều lệ Công ty. Cá nhân, tổ chức có thẩm quyền này được gọi là Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị nội dung chương trình họp Đại hội.

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông

báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Phiếu biểu quyết;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (5) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 17 Điều lệ Công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều 11 và khoản 4 Điều 17 Điều lệ Công ty;
- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm (5)% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 17 Điều lệ Công ty vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 17 Điều lệ Công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 15 của Điều lệ Công ty.

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách chốt cổ đông để thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp) có mặt tại Đại hội và thực hiện đăng ký tham dự Đại hội một cách hợp lệ theo quy định do Công ty công bố.

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

h) Điều kiện tiến hành;

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện trên năm mươi (50,0)% tổng số phiếu biểu quyết.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ ba mươi ba (33,0)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp, được coi là họp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội cổ đông lần thứ nhất.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

Cổ đông phổ thông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

- Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

k) Cách thức bỏ phiếu;

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của đại diện theo ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua.

Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là họp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết.

Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban Kiểm phiếu. Ban Tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị và đề xuất với Đại hội đồng cổ đông một (01) Ban Kiểm phiếu để chịu trách nhiệm: Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; Giới thiệu và phát phiếu bầu, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong quá trình bầu cử/biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả bầu cử/biểu quyết trước Đại hội. Số lượng, thành phần Ban Kiểm phiếu được Ban tổ chức đề cử và được các cổ đông tham dự Đại hội thông qua tại Đại hội theo hình thức biểu quyết công khai. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

Trước khi bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông có mặt tại Đại hội.

Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có thông báo của đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu cử/biểu quyết vào hòm phiếu hoặc sau ba mươi (30) phút kể từ thời điểm thông báo tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban Kiểm phiếu niêm phong.

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi

l) Cách thức kiểm phiếu;

Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định như sau:

- Ban Kiểm phiếu làm việc trong một (1) phòng làm việc/khu vực riêng;
- Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
- Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu bầu cử/biểu quyết;
- Kiểm tra lần lượt từng phiếu bầu cử/biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
- Niêm phong toàn bộ các phiếu bầu cử/biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa.

m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua;

Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua thực hiện theo Điều 20 của Điều lệ Công ty.

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử/biểu quyết và lập thành Biên bản Kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu sẽ được các thành viên của Ban Kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung: Thành phần Ban Kiểm phiếu; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu, danh sách đề cử; tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tổng số cổ phần có quyền bầu cử/biểu quyết có mặt tại Đại hội; Tổng số phiếu phát ra; tổng số phiếu thu về; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu hợp lệ; Tổng số phiếu đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến và tỷ lệ biểu quyết tương ứng với từng nội dung biểu quyết; Số cổ phần biểu quyết cho từng ứng viên vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Danh sách trúng cử; chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Trưởng Ban Kiểm phiếu có thể thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu cử/biểu quyết.

o) Cách thức phản đối, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 của Điều lệ Công ty;

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp Tòa án, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thì Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định huỷ bỏ nghị quyết



hoặc một phần nội dung nghị quyết của Toà án có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 20 của Điều lệ Công ty.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ Công ty.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu

trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của người không phải là Người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các vấn đề đã được thông qua;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên năm mươi (50,0)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

### **Điều 3. Hội đồng quản trị**

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 26 của Điều lệ Công ty.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá hai (2) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có);
- Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định nội bộ của Tổng công ty;
- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định trên.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

g) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (1) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 27 của Điều lệ Công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm;

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (1) lần.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) người quản lý khác;

- Có đề nghị của ít nhất hai (2) thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);

Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó.

Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải xác định thời gian cụ thể, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.



Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

e) Cách thức biểu quyết;

Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị/người được ủy quyền có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ tên chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp.

Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực.

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Công ty theo trình tự quy định của pháp luật về doanh nghiệp và luật chứng khoán.

5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty;

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có hiểu biết về pháp luật;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn Người phụ trách quản trị Công ty được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty.

Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Tham dự các cuộc họp;

- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 4. Ban Kiểm soát**

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 37 của Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên);

Ban kiểm soát của Công ty có từ ba (3) đến năm (5) người. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên được đào tạo một trong các chuyên ngành về tài chính, kế toán, kiểm toán.



*Handwritten signature*

Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (3) năm liền trước đó.

Trường Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định của Điều lệ Công ty.

Trường hợp bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội.

Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Trường Ban kiểm soát được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Ban Kiểm soát trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban Kiểm soát đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (1) người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.

Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Ban Kiểm soát phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định;
- Có đơn từ chức bằng văn bản gửi tới Công ty và được chấp thuận;
- Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó.

Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được Tổng công ty công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Luật chứng khoán.

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 39 của Điều lệ Công ty.

## **Điều 5. Giám đốc**

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc;

Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc thực hiện theo khoản 4 Điều 33 của Điều lệ Công ty.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc;

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (5) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.

b) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc;

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (1) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

c) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc;

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc;

Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc được Công ty thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán và pháp luật hiện hành.

e) Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc.

Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.

## **Điều 6. Các hoạt động khác**

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc;

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc thực hiện theo khoản 4 Điều 3 của Quy chế này.

Người phụ trách quản trị Công ty hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty, chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát.

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;

Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc;



Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, quyết định, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho Giám đốc vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.

d) Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

Giám đốc và Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị và thông báo triệu tập đến các Thành viên Hội đồng quản trị trước ba (3) ngày làm việc khi cuộc họp Hội đồng quản trị diễn ra.

đ) Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

Giám đốc Công ty có trách nhiệm thực hiện các báo cáo định kỳ và bất thường theo yêu cầu cho Hội đồng quản trị về các vấn đề cụ thể như sau:

- Định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị Công ty về tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 4 điều 33 Điều lệ Công ty và các công việc khác được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện;

- Báo cáo Hội đồng Quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

- Thực hiện báo cáo đột xuất về các vấn đề theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát.

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc;

Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

g) Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

Báo cáo và giải trình trước Đại hội đồng cổ đông về:

- Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm trên cơ sở các nghị quyết đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

- Tình hình sử dụng vốn; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê, cho thuê, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Giám đốc Công ty theo quy định tại khoản 4 điều 33 Điều lệ Công ty;

- Các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan, chính quyền các cấp về bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường cũng như những hoạt động xã hội khác của Công ty;

- Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý việc cấp sổ chứng nhận cổ đông, thay đổi thông tin cổ đông, quản lý việc thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.



- Các nội dung khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế nội bộ về việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

Hội đồng Quản trị Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế về việc đánh giá hoàn thành kế hoạch, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành của Công ty.

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt bao gồm 7 (bảy) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*


Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ).  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

Thực hiện Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Khoản 4 Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt:

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như dự thảo đính kèm.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyền sửa đổi, bổ sung và ban hành lại/trước Quy chế này cho phù hợp với thực tế theo quy định của Nhà nước và báo cáo lại tại Đại hội cổ đông gần nhất. 

Trân trọng kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Như trên,
- Lưu: HĐQT (1b).

**Đính kèm:**

Dự thảo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

**Hoàng Đức Chính**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
(Ban hành theo QĐ số /QĐ-HĐQT ngày / /2021)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

**Chương II**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện theo sự phân công công việc trong Hội đồng quản trị.

#### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty.

#### **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;  
b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp

hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

2. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức bằng văn bản gửi Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy

định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

## **Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.



4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

#### **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng giao dịch có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trở xuống giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

#### **Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng

quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

#### **Điều 14. Các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

### **Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng

quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (3) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức

dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V** **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là hai mươi hai (22) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

### **Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện

thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

### **Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành

viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

#### **Điều 21. Mọi quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

#### **Điều 22. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

### **Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2021./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Đức Chính**

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Thông qua Quy chế hoạt động Ban kiểm soát  
Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ).  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP - Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

Thực hiện Quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Thông tư Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua **Quy chế hoạt động Ban kiểm soát** Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt theo nội dung như dự thảo đính kèm.

Kính trình Đại hội./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Bùi Lan Anh**



# **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ...../NQ-ĐHCD ngày ..... tháng ..... năm 2021 của  
ĐHCD Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt)*

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...../NQ-ĐHCD ngày ..... tháng ..... năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt bao gồm các nội dung sau:

## **CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

#### **2. Đối tượng áp dụng:**

Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và các đối tượng có liên quan khác được quy định tại quy chế này.

### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

2. Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

3. ĐHCD: Đại hội đồng cổ đông Công ty;

4. HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty;
5. BSK: Ban kiểm soát Công ty;
6. Ban Giám đốc: Ban Giám đốc Công ty;
7. Luật Doanh nghiệp: số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

### **Điều 3. Nguyên tắc hoạt động**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các phần công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

## **CHƯƠNG II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)**

### **Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên được đào tạo một trong các chuyên ngành về tài chính, kế toán, kiểm toán
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết

nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 7. Trưởng ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định bao gồm:
  - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  - c) Chủ trì lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
  - d) Điều phối và chịu trách nhiệm chung về các hoạt động của Ban kiểm soát.
  - e) Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

#### **Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại sẽ do Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát đề cử hoặc trường hợp khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 9. Cách thức bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

#### **Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
  - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
  - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác;
  - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
  - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 13. Phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc phân công nhiệm vụ giữa các thành viên Ban kiểm soát phải được thực hiện thông qua cuộc họp của Ban kiểm soát. Các nội dung phân công cho từng thành viên Ban kiểm soát phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của từng thành viên. Trường hợp phát sinh các vấn đề chưa được quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn trong xử lý công việc thì thành viên Ban kiểm soát được phân công có trách nhiệm phản ánh với Trưởng Ban kiểm soát để thống nhất giải quyết.
2. Các phân công việc không phân công cho các thành viên khác thuộc trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát.
3. Trên cơ sở Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Trưởng Ban kiểm soát sẽ chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hàng quý, năm tới các thành viên Ban kiểm soát theo các nội dung công việc đã được phân công.

### **Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

Ub



- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
  - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
  - c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
  3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.
  4. Các thành viên Ban kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật theo quy định của Công ty và pháp luật.
  5. Các thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin được xếp loại mật, các văn bản tài liệu của Công ty và các thông tin khác liên quan đến hoạt động Công ty, hoặc các thông tin mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
  - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
  - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

### **Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Trường hợp cần thiết, Ban kiểm soát có thể họp bất thường trên cơ sở đề nghị của:
  - Trưởng ban kiểm soát; và/hoặc
  - ít nhất 1 thành viên Ban kiểm soát

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của một trong các đối tượng nêu trên, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành họp Ban kiểm soát bất thường.

Nếu Trưởng Ban kiểm soát không chấp nhận triệu tập cuộc họp thì những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều 16 Quy chế này có thể tự mình triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.

3. Thông báo và chương trình họp:

- Cuộc họp được tiến hành theo thông báo của Trưởng Ban kiểm soát hoặc theo thỏa thuận của thành viên còn lại của Ban kiểm soát trong trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt. Thông báo phải nêu rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ đưa ra bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp.
  - Các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát phải được thông qua bằng phương pháp biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát. Trường hợp họp trực tuyến hoặc phiếu lấy lẩy ý kiến bằng văn bản cũng áp dụng nguyên tắc quá bán nêu trên.
  - Thành viên Ban kiểm soát có ý kiến khác với ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát, có quyền bảo lưu ý kiến của mình và được quyền đề nghị ghi vào Biên bản cuộc họp.
4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

**Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ tại đơn vị nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

## **Chương V** **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

**Điều 18. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

#### **Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
  3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
  4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
  5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

#### **Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

#### **Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 24. Khen thưởng, kỷ luật**

1. Trưởng Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có thành tích trong công tác kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan có thể được xem xét khen thưởng theo quy định tại quy chế nội bộ của Công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và Ban kiểm soát vi phạm các qui định của pháp luật hiện hành trong kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi, có động cơ cá nhân xâm phạm lợi ích hợp pháp của Công ty thì tùy theo mức độ sai phạm mà xử lý kỷ luật về hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

### **Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 25. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt bao gồm VII chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**Trưởng ban**

**Bùi Lan Anh**

Tp.HCM, ngày ... .. tháng ... .. năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Tình hình tăng vốn điều lệ và**  
**kết quả thực hiện đầu tư tàu PVT Venus**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông;  
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số: 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số: 27/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 24/4/2018; Nghị quyết số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 04/4/2019 và Nghị quyết số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 19/6/2020, Đại hội Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt. Công ty PV Trans Oil kính trình ĐHĐCĐ báo cáo tình hình tăng vốn điều lệ 295 tỷ đồng lên 476 tỷ đồng và báo cáo kết quả thực hiện đầu tư tàu PVT Venus như sau:

**1. Về tình hình tăng vốn điều lệ 295 tỷ đồng lên 476 tỷ đồng:**

Phương án tăng vốn từ 295 tỷ đồng lên 476 tỷ đồng: do ảnh hưởng của cả nguyên nhân khách quan và chủ quan các Cổ đông/Nhà đầu tư không tham gia góp vốn, Công ty không thực hiện được kế hoạch tăng vốn. Công ty PĐV tạm dừng các thủ tục tăng vốn và khi các Cổ đông/Nhà đầu tư có nhu cầu Công ty sẽ tiếp tục thực hiện Phương án tăng vốn.

**2. Về kết quả thực hiện đầu tư tàu khoảng 13.000 DWT (tàu PVT Venus):**

Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành bán tàu PV Oil Venus với giá bán không thấp hơn giá trị sổ sách tại thời điểm bán và bảo toàn vốn, với nguồn vốn thu được từ bán tàu PVT Oil Venus bổ sung nguồn đầu tư tàu trẻ thay thế.

Công ty đã hoàn thành việc đầu tư mua 01 tàu chở dầu/ hóa chất và đã hoàn thành nhận tàu trong tháng 12 năm 2020. Công ty đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định để thực hiện việc chào giá cạnh tranh và lựa chọn được tàu phù hợp nhất về các tiêu chí: kỹ thuật, tuổi tàu và giá cả cạnh tranh nhất đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua. Do thị trường mua bán tàu ở mức thấp nên giá mua tàu thấp hơn so với giá mua đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tàu MALHARI (Năm đóng: 2010, Xuất xứ: Hàn Quốc, Treo cờ: Ấn Độ, Nơi đăng ký: Mumbai - Ấn Độ, Số IMO: 9414333, Số đăng ký: 35 OF 2010, Ngày đăng ký: 20/5/2010) (đã đổi tên thành PVT Venus) của Shapoorji Pallonji Forbes Shipping Ltd phù hợp với các tiêu chí lựa chọn. HĐQT và Ban điều hành Công ty đã thực hiện đúng, đầy đủ theo sự ủy quyền của ĐHĐCĐ.

Chi tiết giá mua tàu thực hiện so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt như sau:

*Đvt: USD*

| <b>Stt</b> | <b>Nội dung</b>           | <b>Kế hoạch<br/>Đã phê duyệt</b> | <b>Thực hiện</b> | <b>Chênh lệch<br/>TH/KH</b> |
|------------|---------------------------|----------------------------------|------------------|-----------------------------|
| (1)        | (2)                       | (3)                              | (4)              | (5)=(4)-(3)                 |
| -          | Giá mua tàu (PVT Neptune) | 8.000.000                        | 6.375.000        | (1.625.000)                 |

Trên đây là báo cáo tình hình tăng vốn điều lệ 295 tỷ đồng lên 476 tỷ đồng, báo cáo tình hình sử dụng vốn và báo cáo kết quả thực hiện đầu tư tàu dầu/ hóa chất (tàu PVT Venus) của Công ty.

Kính trình Đại hội thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Đức Chính**



TP. HCM, ngày ... tháng ... năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Thông qua việc lựa chọn chuyển tiếp đầu tư 01 tàu chở dầu/ hóa chất  
trọng tải khoảng 13.000 DWT**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông  
Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PV Trans Oil).

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ PV Trans Oil;
- Căn cứ kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016-2020 của PVTrans Oil đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết số: 85/PĐV-NQ-ĐHĐCĐ, ngày 22/12/2017;
- Căn cứ Nghị Quyết số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 19/6/2020.

Năm 2020, ĐHĐCĐ đã phê duyệt tại Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 19/6/2020 về việc đầu tư: Đầu tư 02 dự án 02 tàu chở dầu sản phẩm/ hóa chất trọng tải khoảng 13.000 - 20.000 DWT thuộc kế hoạch đầu tư năm 2019 hoặc Đầu tư 02 dự án, trong đó: 01 dự án 01 tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 22.000 - 32.000 DWT bổ sung trong năm 2020 và 01 dự án 01 tàu chở dầu sản phẩm/ hóa chất trọng tải khoảng 13.000 - 20.000 DWT thuộc kế hoạch đầu tư năm 2019, tuy nhiên do tình hình tăng vốn từ 295 - 476 tỷ đồng chưa thực hiện được như kế hoạch nên việc đầu tư chưa được triển khai.

Vì vậy, trên cơ sở đó để triển khai thực hiện thành công các mục tiêu trẻ hóa đội tàu và nâng cao năng lực cạnh tranh, Hội đồng Quản trị PV Trans Oil kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua lựa chọn chuyển tiếp đầu tư 01 dự án 01 tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT sang năm 2021, với các nội dung như sau:

- 1. Thông qua việc lựa chọn chuyển tiếp đầu tư 01 dự án 01 tàu chở dầu / hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PĐV- ĐHĐCĐ, ngày 19/6/2020 sang thực hiện từ tháng 05/2021 đến ĐHĐCĐ thường niên 2022:**
  - Việc đầu tư dự kiến được thực hiện từ tháng 05/2021 đến ĐHĐCĐ thường niên 2022;
  - Tùy theo khả năng tài chính, thị trường mua bán và khai thác tàu, PV Trans Oil sẽ lựa chọn thời điểm phù hợp để đầu tư.
- 2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị PV Trans Oil thực hiện các quyền thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ trong việc phê duyệt dự án đầu tư cập nhật đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu của dự án, triển khai đầu tư, thu xếp vốn và các vấn đề khác liên quan đến việc đầu tư tàu.**

Trân trọng kính trình Đại hội./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Đức Chính**

*Tp. Hồ Chí Minh ngày tháng năm 2021*

## **TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**V/v: Ủy quyền ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Cổ đông Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans) và/hoặc các ĐVTV của PV Trans; Cổ đông Công ty TNHH Tân Long**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số: 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua;
- Căn cứ Nghị quyết số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2020;

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PVTrans Oil) kính báo cáo ĐHĐCĐ như sau:

Căn cứ quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 và khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Công ty, các hợp đồng/giao dịch giữa PVTrans Oil với Tổng Công ty PV Trans hoặc những người có liên quan của Tổng Công ty; Công ty TNHH Tân Long đều phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT Công ty chấp thuận.

PVTrans Oil là Công ty con của Tổng Công ty PV Trans (Công ty mẹ), PVTrans Oil chịu sự định hướng phát triển chung của Tổng Công ty PV Trans không những trong việc hoạch định chiến lược dài hạn mà còn cả trong kế hoạch SXKD hàng năm, việc điều tiết và chia sẻ nguồn lực giữa PV Trans với các Đơn vị thành viên (ĐVTV), trong đó có PVTrans Oil.

PVTrans Oil và Công ty TNHH Tân Long là đối tác chiến lược phát triển lâu dài, có nhiều dự án hợp tác trong thời gian tới.

Do vậy, một số hợp đồng/giao dịch giữa PVTrans Oil và PV Trans, Công ty TNHH Tân Long và các đơn vị là thành viên của PV Trans sẽ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Việc PVTrans Oil phải tổ chức ĐHĐCĐ để thông qua các hợp đồng hoặc giao dịch nêu trên sẽ gây lãng phí về thời gian, tiền bạc cho đơn vị và quan trọng hơn là khó đảm bảo tính kịp thời, linh hoạt trong điều hành SXKD để nắm bắt các cơ hội kinh doanh và duy trì sự hoạt ổn định cho doanh nghiệp.

Do đó, HĐQT Công ty kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét thông qua các nội dung sau:

- Ủy quyền cho HĐQT Công ty được phép thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt với Tổng Công ty PV Trans (Công ty mẹ) và/hoặc các Đơn vị thành viên (ĐVTV) của PV Trans liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ, thương mại thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ *đảm bảo quyền lợi tối ưu cho PVTrans Oil và tuân thủ quy định của pháp luật. (Chi tiết danh sách các ĐVTV của PV Trans theo phụ lục đính kèm).*

*HKT 22*

- Ủy quyền cho HĐQT Công ty được phép thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt với Công ty TNHH Tân Long thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đảm bảo quyền lợi tối ưu cho PVTrans Oil và tuân thủ quy định của pháp luật.
- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện các thủ tục liên quan để triển khai thực hiện các hợp đồng, giao dịch này sau khi ký kết.
- Việc ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua cho đến khi ĐHĐCĐ có Nghị quyết khác thay thế về vấn đề này.

HĐQT PVTrans Oil cam kết tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong việc ký kết các hợp đồng, giao dịch này, đảm bảo tối đa quyền và lợi ích cho Công ty và cổ đông.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Đức Chính**

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN CỦA PV TRANS CÓ LIÊN QUAN  
VỚI CÔNG TY PVTRANS OIL**

| STT | Đối tượng có liên quan                          |
|-----|---|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG |
| 2   | CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU PHƯƠNG NAM     |
| 3   | CÔNG TY DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀU                     |
| 4   | CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI:     |
| 5   | CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI DẦU KHÍ PVTRANS  |
| 6   | CÔNG TY DỊCH VỤ HÀNG HẢI DẦU KHÍ                |
| 7   | CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ    |
| 8   | CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ HÀ NỘI          |
| 9   | CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ VŨNG TÀU        |
| 10  | CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG      |
| 11  | CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NHẬT VIỆT               |

## TỜ TRÌNH

### V/v: Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ từ chia Cổ tức bằng Cổ phiếu trong năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ PV Trans Oil;
- Luật Chứng khoán số: 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PVTrans Oil);
- Nghị quyết số: 27/PĐV-NQ-ĐHĐCĐ, ngày 24/4/2018 của ĐHĐCĐ PVTrans Oil;
- Nghị quyết số: 01/PĐV-NQ-ĐHĐCĐ, ngày 04/4/2019 của ĐHĐCĐ PVTrans Oil;
- Nghị quyết số: 01/PĐV-NQ-ĐHĐCĐ, ngày 19/6/2020 của ĐHĐCĐ PVTrans Oil;
- Căn cứ tình hình và nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 19/6/2020 của Đại hội đồng Cổ đông của PV Trans Oil đã thông qua phương án gia hạn chuyển tiếp phát hành tăng vốn điều lệ từ 266 tỷ đồng lên 476 tỷ đồng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của cả nguyên nhân khách quan và chủ quan các Cổ đông/Nhà đầu tư không tham gia góp vốn, Công ty không thực hiện được kế hoạch tăng vốn trong năm 2020. Công ty PĐV tạm dừng các thủ tục tăng vốn và khi các Cổ đông/Nhà đầu tư có nhu cầu Công ty sẽ tiếp tục thực hiện Phương án tăng vốn.

Để có nguồn vốn phục vụ việc đầu tư trẻ hóa đội tàu và nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời để nhanh chóng hoàn thành kế hoạch tăng vốn và tiết kiệm thời gian, chi phí. Sau khi xem xét tình hình, với số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm từ Phương án chia Cổ tức bằng Cổ phiếu tăng thêm 5% trên Vốn điều lệ: 16,1 tỷ đồng (từ 295 tỷ đồng lên 311,1 tỷ đồng) và nguồn vốn từ thanh lý bán tàu PV Oil Jupiter vẫn đảm bảo nguồn vốn đối ứng để đầu tư lựa chọn 01 dự án 01 tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT thuộc kế hoạch chuyển tiếp qua năm 2021.

PV Trans Oil kính trình ĐHĐCĐ xem xét và chấp thuận Phương án tăng vốn điều lệ từ Phương án chia Cổ tức bằng Cổ phiếu dự kiến 5% trên Vốn điều lệ là: 16,1 tỷ đồng. Về Phương án phát hành chuyển tiếp chi tiết như sau:


#### **Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:**

- |  |   |                       |
|--|---|-----------------------|
| - Vốn điều lệ trước khi phát hành          | : | 295.000.000.000 đồng. |
| - Số Cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành | : | 29.500.000 Cổ phiếu.  |
| - Loại Cổ phiếu phát hành                  | : | Cổ phiếu phổ thông.   |

- Số lượng Cổ phiếu phát hành thêm : 1.610.000 Cổ phiếu.
- Trong đó:
- + Số lượng Cổ phần phát hành cho Cổ đông sở hữu hữu sở hữu Cổ phiếu phổ thông : 11.750.000 Cổ phiếu.
- + Số lượng Cổ phần phát hành cho Cổ đông hiện hữu sở hữu Cổ phiếu ưu đãi Cổ tức : 4.350.000 Cổ phiếu.
- Giá trị cổ phiếu phát hành thêm theo mệnh giá: 16.100.000.000 đồng.
- Số tiền thu được dự kiến từ đợt phát hành (điều chỉnh từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sang vốn góp của chủ sở hữu) : 16.100.000.000 đồng.
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để thực hiện chia Cổ tức.
- Thời gian phát hành dự kiến: Năm 2021 cho đến ĐHCĐ gần nhất, sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành : 311.100.000.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau phát hành: 31.110.000 Cổ phiếu.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án chi tiết như đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!

 **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Đức Chính**

**PHƯƠNG ÁN**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

(Đính kèm tờ trình số: ...../PĐV-TTr-ĐHĐCĐ ngày ...../...../2021)

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU**

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị quyết số: 01/PĐV-NQ-ĐHĐCĐ, ngày 19/6/2020 của ĐHĐCĐ PV Trans Oil;
- Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số: 118/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký Công ty đại chúng và hủy tư cách Công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt;
- Nhu cầu thực tế của Công ty.

**II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

Tên Cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt

- |   |   |  |
|---|---|--|
| 1. Loại Cổ phiếu phát hành                  | : | Cổ phiếu phổ thông.                                    |
| 2. Mệnh giá Cổ phiếu                        | : | 10.000 đồng/ Cổ phiếu.                                 |
| 3. Phương án phát hành                      | : | Phát hành Cổ phiếu để trả Cổ tức cho Cổ đông hiện hữu. |
| 4. Vốn điều lệ trước khi phát hành          | : | 295.000.000.000 đồng.                                  |
| 5. Số cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành | : | 29.500.000 Cổ phiếu.                                   |

Trong đó:

- |                                     |   |                      |
|-------------------------------------|---|----------------------|
| + Số lượng Cổ phần phổ thông        | : | 23.500.000 Cổ phiếu. |
| + Số lượng Cổ phần ưu đãi Cổ tức    | : | 6.000.000 Cổ phiếu.  |
| 6. Số lượng Cổ phiếu phát hành thêm | : | 1.610.000 Cổ phiếu.  |

Trong đó:

- |   |   |                      |
|---|---|----------------------|
| + Số lượng Cổ phần phát hành cho Cổ đông sở hữu Cổ phiếu phổ thông              | : | 11.750.000 Cổ phiếu. |
| + Số lượng Cổ phần phát hành cho Cổ đông hiện hữu sở hữu Cổ phiếu ưu đãi Cổ tức | : | 4.350.000 Cổ phiếu.  |
| 7. Giá trị cổ phiếu phát hành thêm theo mệnh giá:                               | : | 16.100.000.000 đồng. |







8. Số tiền thu được dự kiến từ đợt phát hành (điều chỉnh từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sang vốn góp của chủ sở hữu) : 16.100.000.000 đồng.
9. Nguồn vốn phát hành : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm 2020 (19.893.945.430 đồng) theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.
10. Thời gian phát hành dự kiến : Năm 2021 cho đến ĐHCĐ gần nhất, sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
11. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành : 311.100.000.000 đồng.
12. Số lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành : 31.110.000 Cổ phiếu.
13. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ : Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu (gồm cả cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi) để trả cổ tức năm 2020 sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
14. Tỷ lệ thực hiện quyền:
- + Đối với Cổ phiếu phổ thông tỷ lệ: 100:5 thì 01 Cổ phần sẽ được hưởng 01 Cổ phiếu x 5% của đợt phát hành này theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. *Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 102 Cổ phiếu, sẽ được hưởng số Cổ phiếu phát hành thêm Cổ đông A được chia như sau:  $102 \times 5\% = 5,1$  CP. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số Cổ phiếu mà Cổ đông A được chia là: 5 Cổ phiếu; 0,1 Cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.*
  - + Đối với Cổ phiếu Ưu đãi cổ tức bằng 1,5 lần Cổ phiếu thông thường tỷ lệ: 100:7,5 thì 01 Cổ phần sẽ được hưởng 01 Cổ phiếu x 5% x 1,5 của đợt phát hành này theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. *Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 102 Cổ phiếu, sẽ được hưởng số Cổ phiếu phát hành thêm Cổ đông A được chia như sau:  $102 \times 5\% \times 1,5 = 7,65$  CP. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số Cổ phiếu mà Cổ đông A được chia là: 7 Cổ phiếu; 0,65 Cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.*
  - + Đối với Cổ phiếu Ưu đãi cổ tức bằng 1,4 lần Cổ phiếu thông thường tỷ lệ: 100:7 thì 01 Cổ phần sẽ được hưởng 01 Cổ phiếu x 5% x 1,4 của đợt phát hành này theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. *Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 102 Cổ phiếu, sẽ được hưởng số Cổ phiếu phát hành thêm Cổ đông A được chia như sau:  $102 \times 5\% \times 1,4 = 7,14$  CP. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số Cổ phiếu mà Cổ đông A được chia là: 7 Cổ phiếu; 0,14 Cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.*

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:
- Thông qua sửa đổi mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty theo kết quả của đợt phát hành;
- Thông qua việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mức vốn điều lệ mới theo kết quả của đợt phát hành;
- Thông qua việc toàn bộ số Cổ phần phát hành sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo đúng quy định của Pháp luật.

### III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Số tiền của đợt phát hành sẽ được dùng để: Bổ sung nguồn vốn đầu tư thêm 01 tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT (+/- 10%) chuyển tiếp sang năm 2021, phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

### IV. THÔNG QUA VIỆC ỦY QUYỀN:

Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ từ chia Cổ tức bằng Cổ phiếu dự kiến 5% trên Vốn điều lệ để tăng vốn và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định tất cả vấn đề liên quan đến đợt phát hành, cụ thể:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành cổ phiếu để trả Cổ tức gửi UBCKNN và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan chức năng khác;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện quyền và triển khai việc thực hiện phát hành;
- Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ và thực hiện thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định;
- Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung tại Sở GDCK đối với toàn bộ số lượng Cổ phần được phát hành theo phương án nêu trên;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết khác theo quy định của pháp luật để hoàn tất phương án phát hành Cổ phiếu để trả cổ tức;

- Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho HĐQT chỉnh sửa, thay đổi các nội dung trong Tờ trình phù hợp với hoạt động, lợi ích của Công ty và báo cáo ĐHCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh này (nếu có);
- Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Đại hội đồng Cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị hoàn tất thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký thay đổi giao dịch toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX);

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chủ động triển khai thực hiện tất cả các công việc liên quan đến việc phát hành cổ phần phù hợp với các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty nhằm đảm bảo quyền lợi của Cổ đông, lợi ích Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Đức Chính**

Tp.HCM, ngày tháng năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Miễn nhiệm Thành viên HĐQT và  
bầu thay thế tạm thời thành viên HĐQT**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm của ông Trần Duy Tân và ông Nguyễn Văn Bằng - Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn miễn nhiệm Thành viên HĐQT và bầu thay thế thành viên HĐQT của Công ty như sau:

**1. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với các Ông sau:**

- Ông Trần Duy Tân – có đơn xin từ nhiệm vì lý do cá nhân. HĐQT đã tiến hành họp và thông qua đơn từ nhiệm của Ông Trần Duy Tân.
- Ông Nguyễn Văn Bằng - có đơn xin từ nhiệm vì lý do cá nhân. HĐQT đã tiến hành họp và thông qua đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Văn Bằng.

**2. Thông qua việc tạm bổ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị**

- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thế Anh là Thành viên HĐQT từ ngày 01/10/2020 đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ gần nhất theo công văn giới thiệu số: 720/VTDK - TCNS ngày 21/09/2020 của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí
- Bổ nhiệm Ông Đoàn Đình Hiếu là Thành viên HĐQT từ ngày 06/01/2021 đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ gần nhất theo công văn giới thiệu số: 951/VTDK - TCNS ngày 22/12/2020 của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt kính trình và đề nghị Đại hội thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Đức Chính**

## ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: - Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận Tải dầu  
Phương Đông Việt

Tôi tên là: Trần Duy Tân  
Sinh ngày: 07/11/1987

Tôi được bầu là thành viên Hội Đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt(PVTrans Oil) tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

Vì một số lý do cá nhân và công việc chuyên môn hiện tại kiêm nhiệm các vị trí khác nhau nên tôi không đủ thời gian để thực hiện tốt nhất với vai trò là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Pvrans Oil. Do đó, tôi làm đơn này kính đề nghị Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận cho tôi từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Quản trị Công ty.

Tôi xin cảm ơn Hội đồng Quản trị Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi hoàn thành tốt công việc trong thời gian qua.

Trân trọng./.

*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 09 năm 2020*

NGƯỜI LÀM ĐƠN



TRẦN DUY TÂN







CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----\*\*\*-----

**ĐƠN TỪ NHIỆM**

|                           |
|---------------------------|
| VP CTY PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT   |
| Số:..... 465              |
| ĐẾN Ngày:..... 31/12/2020 |
| Chuyển:.....              |

Kính gửi: - Hội Đồng Quản trị Công ty CP Vận tải Dầu PV Trans Oil

Tôi tên là: Nguyễn Văn Bằng

CMND: 024243803 ngày cấp: 04/04/2015 Nơi cấp: CA. Tp.Hồ Chí Minh

Nơi cư trú: 20 đường 51, khu phố 2, Phường An Phú, Quận 2, Tp.Hồ Chí Minh

Hiện là Trưởng Ban ATPC Tổng Công ty PV Trans, kiêm người đại diện phần vốn của Tổng công ty PVTrans tại Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PVTrans Oil),

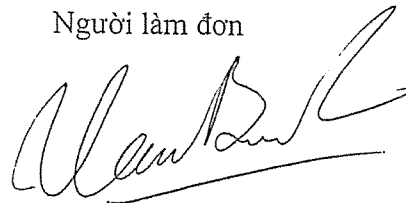
Với sự tin tưởng, tín nhiệm của Lãnh đạo Tổng công ty, tôi được giao làm người đại diện phần vốn tại Công ty CP vận tải Dầu Phương Đông Việt để hỗ trợ đơn vị trong một giai đoạn nhất định nhằm bảo toàn, phát triển vốn của công ty cũng như hỗ trợ cho Ban điều hành công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong suốt quá trình đó, tôi luôn nỗ lực, phấn đấu và hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ và hỗ trợ đơn vị bằng mọi khả năng có thể. Trong giai đoạn hiện tại và trong thời gian sắp tới, để phù hợp với sự phát triển của đơn vị hơn thì vai trò của tôi có lẽ không còn phù hợp và do công việc chuyên môn hiện nay càng ngày càng nhiều nên tôi có nguyện vọng đề nghị và đã được HĐQT Tổng Công ty PV Trans đồng ý cho tôi thôi làm người đại diện phần vốn và xem xét đề cử nhân sự thích hợp hơn để thay thế tôi ở vị trí thành viên HĐQT Công ty Phương Đông Việt. Nay tôi làm đơn này kính đề nghị HĐQT Công ty Phương Đông Việt chấp thuận cho tôi được từ nhiệm chức danh là thành viên HĐQT tại Công ty CP Vận tải dầu PV Trans Oil.

Tôi xin chân thành cảm ơn Hội đồng Quản trị Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi hoàn thành tốt công việc trong thời gian qua.

Trân trọng cảm ơn./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2020

Người làm đơn



Nguyễn Văn Bằng

193  
NG  
PT  
TÀ  
100  
3H

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 720 /VTDK-TCNS  
V/v: Công tác cán bộ  
tại Công ty PVTrans Oil

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 9 năm 2020

Kính gửi: Người đại diện phần vốn của Tổng công ty PVTrans  
tại Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt,

Căn cứ Quy chế Quản lý cán bộ của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) được ban hành kèm theo Quyết định số 13-QĐ/ĐUVTDK ngày 19/12/2019;

Xét Đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PVTrans Oil) ngày 09/9/2020 của ông Trần Duy Tân;

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TWĐU ngày 14/9/2020 của Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty PVTrans và Nghị quyết số 50/NQ-VTDK-HĐQT ngày 17/9/2020 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty PVTrans về việc công tác cán bộ tại Công ty PVTrans Oil,

Tổng công ty thông báo cho Người đại diện phần vốn của Tổng công ty PVTrans tại Công ty PVTrans Oil về công tác cán bộ, cụ thể như sau:

- Để ông Trần Duy Tân thôi làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty PVTrans Oil đại diện nắm giữ 2.950.000 cổ phần (tương đương 10% vốn điều lệ Công ty PVTrans Oil), thôi giữ chức danh Thành viên HĐQT Công ty PVTrans Oil theo nguyện vọng cá nhân.
- Cử ông Nguyễn Thế Anh – Trưởng Ban Kinh doanh Tổng công ty làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty PVTrans tại Công ty PVTrans Oil đại diện nắm giữ 2.950.000 cổ phần (tương đương 10% vốn điều lệ Công ty PVTrans Oil) và giới thiệu với ĐHCĐ/HĐQT để bầu giữ chức danh Thành viên HĐQT Công ty PVTrans Oil theo chế độ kiêm nhiệm thay ông Trần Duy Tân.

Đề nghị Người đại diện phần vốn của Tổng công ty PVTrans tại Công ty PVTrans Oil thực hiện các thủ tục liên quan công tác cán bộ đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty, các quy định của Pháp luật hiện hành và báo cáo Tổng công ty theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TVĐU, HĐQT, BKS (báo cáo);
- Lưu VT, TCNS, PST (2b).



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Việt Anh

Số: 951 /VTDK-TCNS  
V/v: Công tác cán bộ  
tại Công ty PVTrans Oil

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Người đại diện phần vốn của Tổng công ty PVTrans  
tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt,

Căn cứ Quy chế Quản lý cán bộ của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) được ban hành kèm theo Quyết định số 13-QĐ/ĐUVTDK ngày 19/12/2019;

Xét đơn nguyện vọng thôi làm Người đại diện phần vốn, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PVTrans Oil) ngày 26/11/2020 của ông Nguyễn Văn Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 35-NQ/TVĐU ngày 09/12/2020 của Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty PVTrans và Nghị quyết số 71/NQ-VTDK-HĐQT ngày 09/12/2020 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty PVTrans về việc công tác cán bộ tại Công ty PVTrans Oil,

Tổng công ty thông báo cho Người đại diện phần vốn của Tổng công ty PVTrans tại Công ty PVTrans Oil về công tác cán bộ, cụ thể như sau:

- Đề ông Nguyễn Văn Bằng thôi làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty PVTrans Oil đại diện nắm giữ 2.950.000 cổ phần (trung đương 10% vốn điều lệ Công ty PVTrans Oil), thôi giữ chức danh Thành viên HĐQT Công ty PVTrans Oil theo nguyện vọng cá nhân.

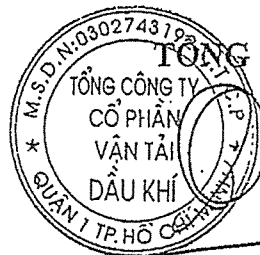
- Cử ông Đoàn Đình Hiếu – Trưởng Ban Kiểm toán Nội bộ Tổng công ty làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty PVTrans Oil đại diện nắm giữ 2.950.000 cổ phần (trung đương 10% vốn điều lệ Công ty PVTrans Oil) và giới thiệu với ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty để bầu giữ chức danh Thành viên HĐQT Công ty PVTrans Oil theo chế độ kiêm nhiệm thay ông Nguyễn Văn Bằng.

Đề nghị Người đại diện phần vốn của Tổng công ty PVTrans tại Công ty PVTrans Oil thực hiện các thủ tục liên quan công tác cán bộ đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty, các quy định của Pháp luật hiện hành và báo cáo Tổng công ty theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TVĐU, HĐQT, BKS (báo cáo);
- Lưu VT, TCNS, PST (2b).



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Việt Anh

Tp.HCM, ngày tháng năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Bầu bổ sung thành viên HĐQT**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm của ông Trần Duy Tân và ông Nguyễn Văn Bằng -  
Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

Căn cứ vào kết quả tiếp nhận hồ sơ đề cử và ứng cử đủ điều kiện tham gia ứng cử,  
đề cử thành viên HĐQT để bầu bổ sung thành viên HĐQT;

Căn cứ vào danh sách tổng hợp các hồ sơ đề cử, ứng cử của các ứng viên tham gia  
ứng cử vào HĐQT gửi về Công ty ngày / /2021. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông  
qua nội dung sau:

- Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT theo Danh sách ứng viên như sau:

- ❖ Ứng viên thứ nhất: Ông Nguyễn Thế Anh (Theo đề cử của Tổng công ty cổ  
phần Vận tải Dầu khí) vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025);
- ❖ Ứng viên thứ nhất: Ông Đoàn Đình Hiếu (Theo đề cử của Tổng công ty cổ  
phần Vận tải Dầu khí) vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026);
- ❖ Ứng viên tiếp theo:.....

(Lý lịch ứng viên đính kèm).

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt kính trình và đề  
nghị Đại hội thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Đính kèm:  
- Lý lịch ứng viên

**Hoàng Đức Chính**